NĂM THỨ BA — Số 115 Thứ năm — 7 Septembre 1943

TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA RA HẰNG TUẦN

Mục lục

* Lối văn diễn thuyết... *Hoa-Bằng*
* Sách vệ sinh bằng quốc-ngữ *Nguyễn-văn-Tố*
* Một giai thoại tặng các nhà viết sử *Ái-Lang và Bích-Câu*
* Đại-Nam dật sự (X) *Ứng-Hòe*
* Việt-nam khoa-học ngữ (II) *Nguyễn-trọng-Thuyết*
* Những lời di chúc của mấy danh nhân Đông, Tây (I) *Phạm-mạnh-Phan*
* Tạo hóa và nhân loại (IX) *Minh-Tuyền*
* Những ông nghè triều Lê (LXIII) *Nguyễn-văn-Tố*
* Các bực khoa-bảng... (Hết) *Trần-huy-Bá*
* Văn-học phụ nữ Hải cảng *Long-Điền*
* Cháy cung chương võ (Tiểu thuyết, V) *Chu Thiên*

Tòa Báo : 95-97, phố Chanceaulme, Hanoi

Một năm **12$00** — 6 tháng **6$50** — 3 tháng **3$50** — Mỗi số **0$30**

Lối văn diễn-thuyết

của ta có từ bao giờ ?

HOA-BẰNG

TRƯỚC khi dựa theo sử sách ta xưa, khảo xem lối văn diễn thuyết của người mình có từ bao giờ, tôi hằng xin mượn lời bác-sĩ Cương-Dã Anh Thái - lang trong cuốn *Diễn thuyết học* nói qua về công-dụng của diễn thuyết :

« Diễn thuyết là lợi dụng chút thời-giờ ít mà bày-tỏ được tư - tưởng nhiều. ...Cũng như các món mỹ-thuật về hội - họa, âm-nhạc, v.v., diễn thuyết có ích cho xã-hội. Đó là điều đáng tin chắc, muôn đời không xoá bỏ được. » Và : *« Trong khi có việc, quốc-gia sẽ được sung-sướng hay phải đau - đớn, công - cuộc gấp-rút cần phải quyết-định trong một sớm, một chiều. Nhà chính - trị uốn ba tấc lưỡi có thể cổ - vũ được cái dũng khí của vài muôn quân-lính, khiến họ coi việc nghĩa nặng như Thái - sơn, cho cái chết nhẹ như lông hồng. Diễn - giả đem chước hay mà liệu tính công - cuộc ở ngoài nghìn dặm để gỡ quốc vận đang nguy như trứng để dầu đẳng...»*

***

Lắm người cho rằng, trước khi âu-hóa, người mình chưa có lối văn diễn - thuyết. Tưởng vậy là lầm. Thực ra, xưa kia, nước ta đã có những thể diễn thuyết như lối *tôn-chỉ thuyết giáo* và lối *công chúng chính luận* rồi. Chẳng qua diễn thuyết, đối với ta xưa, chỉ có tính cách đặc-biệt hãn hữu, chứ không thông thường và hằng thấy như ngày nay.

Tôn-chỉ thuyết giáo tức là lối nhóm-họp tín-đồ mà diễn-giảng cho họ nghe những đạo lý răn dữ khuyên lành, cải tà quy chính. Lối này tức như hồi Lý, Trần, các vị đại đức, thượng sĩ thường họp đông đủ thiện tín mà thuyết pháp trước mặt đại chúng về những vấn-đề như tam quy, ngũ giới, tiểu thừa, đại thừa...

Còn lối *công-chúng chính luận* ? Tức là lối diễn thuyết trước công-chúng để bàn luận về những quân quốc trọng sự, chẳng hạn như vua Lê Thái-Tổ dụ bảo tướng-sĩ hoặc người trong nước ở những khi hoặc bị khốn-đốn với giặc Ngô, hoặc phải tìm cách đối-phó với người Minh đã hàng phục... Nay tôi riêng nói đến lối diễn-thuyết về quân quốc đại sự.

Bài hịch văn của đức Trần Hưng-Đạo tuy có tính-cách nói với các tỳ-tướng sau khi trao cho họ cuốn *Binh thư yếu lược* (1), nhưng đó là ngài dụ-bảo họ bằng lời văn, chứ không phải lấy lời nói mà nói thẳng với họ, nên ta không thể kể cái bài có những câu hùng-hiện như « *bêu đầu Tất-Liệt* (2) *ở dưới cửa cung-khuyết, vằm nát thịt Vân-nam vương* (3) *ở chốn Cảo-nhai* (4) » là thể văn diễn-thuyết được.

Ai đã cầm cờ tiên-phong trong lối diễn thuyết về quân-sự ? Ta phải kể vua Lê Thái-Tổ trước tiên.

Những điều ngài nói, tuy sử sách chỉ chép vắn-tắt ngắn ngủi ít lời, nhưng nó có sức mạnh bằng mấy mươi vạn tay súng và sắc-bén bằng ức, triệu, kinh, cái lưỡi gươm.

Năm Nhâm-dần (1422). Bấy giờ đức Lê Lợi còn mang cái danh-hiệu là Bình-định-vương, đang chật-vật chiến-đấu với quân Minh ở vùng Thanh-hóa. Tháng chạp năm ấy, ngài từ Ba-lẫm (thuộc huyện Lỗi-giang ?) tiến đến trại Quan-du (nay là châu Quan-hóa thuộc Thanh-hóa), thì tướng Minh Mã-Kỳ ước-hẹn với nước Ai-lao kéo đến : đồng thời giáp công cả phía sau lẫn mặt trước.

Quân ta bất lợi, ngài phải rút lui đóng đồn ở sách Khối, lại bị quân giặc hợp binh vây hãm. Trước tình thế nguy-hiểm và gian-chuân ấy, ngài phải lã-chã lệ anh-hùng, nói trước mặt các tướng sĩ bằng những lời diễn thuyết rất vắn-tắt mà rất hùng-hồn, thống thiết :

— « *Giặc dương bốn mặt vây hãm gấp rút ! Ta đánh riết thì còn, không đánh riết thì hỏng mất đấy !* »

Cảm-động vì mấy câu diễn-dụ mỗi tiếng là một giọt máu, mỗi lời là một hàng lệ ấy, mọi người thảy đều gắng-gỏi, ganh đua liều chết đánh giặc.

Kết quả : các tướng Lê Lĩnh, Phạm Vấn, Lê Hào, Lý Triện hăng-hái đi trước, xông xáo giữa vòng trận, chém được Minh tham-tướng Phùng Quý và hơn 1000 thủ-cấp lính Tàu. Tướng Minh là bọn Mã-Kỳ, Trần Trí đều chạy bạt cả. Còn quân Ai-lao cũng phải trốn nốt. (6)

Trải mười năm (1418-1428) phấn-đấu, vượt qua bao nỗi khó-khăn rùng-rợn, đức Lê Lợi mới hái được bông trái thắng lợi cuối cùng (Đinh-vị, 1427) : đuổi sạch người Minh về nước !

Phải, bấy giờ là tháng chạp, năm Bình-định vương thứ mười (1427), bọn Vương Thông, tướng Minh, sau khi đã đại bại dưới bóng cờ hùng-kiện trung dũng của chiến-sĩ Đại-Việt, luống-cuống lập-cập, không đợi tờ chiếu cho rút quân của Minh Tuyên-Tông (1426-1435) đưa đến, đã vội trước kéo bộ-binh, qua sông Nhị, và cho quân thủy lục-tục theo sau, khăn gói về Tàu...

Người nước ta vốn căm giặc Minh tàn ngược, được dịp chiến thắng này, ai cũng muốn ứng-dụng ngay lời đức Thánh Khổng đã dạy : « Dĩ trực báo oán ! »

Để làm dịu ngọn lửa « công phẫn » của dân-chúng và ngăn-ngừa cái ý họ muốn thịt sống những quân giặc Ngô độc-ác kia, vua Lê Thái-Tổ (1428-1433) lại phải một phen diễn thuyết dụ-bảo họ : « *Rửa thù, trả oán, vẫn là tính thường của mọi người ; nhưng không nỡ giết hại, ấy là bản tâm của người nhân. Vả, người ta đã hàng mà mình lại giết đi, thật không còn điều gì chẳng lành hơn thế. Với đằng làm cho hả giận một lúc, để mang tiếng muôn đời là giết kẻ đã hàng, sao bằng cho sống muôn ức mạng người để dập tắt mối chiến-tranh về sau : sử xanh ghi chép, tiếng thơm để mãi nghìn thu, há chẳng tốt lắm nhỉ ?* » (7).

Trung-hậu làm sao, văn-minh làm sao, mấy lời diễn-văn đầy nhân-đạo ấy ! Thật vẻn-vẹn chỉ nhờ có bấy nhiêu câu mà hàng ức vạn người Minh được toàn-hoạt tính-mạng !

Thật thế, kết quả của bài diễn-thuyết đó đưa người Minh đến chỗ được tắm gội ơn huệ của dân Đại Việt : Bọn tướng Minh là lũ Phương Chính, Mã Kỳ được lĩnh 500 chiếc thuyền mà đi đường thủy, lũ Sơn-Thọ, Hoàng-Phúc được lĩnh lương thảo mà đi đường bộ, lũ Mã Anh được lĩnh hơn hai vạn tù-binh và hai vạn ngựa mà về Tàu, đúng như lời nhà cứu-quốc Nguyễn Trãi (1380-1442) đã tả trong bài *Bình Ngô đại cáo* :

« *Tướng giặc bị cầm, cung-cúc thảy cúp đuôi hổ đói ;*

« *Lòng Trời ưa sống, xót thương ta tỏ dạ người nhân* ». (Dịch).

***

Cũng cái giọng hùng-tráng như vua Lê Tổ, cũng cái khí « nuốt sao Ngâu » như Phạm Ngũ-Lão, tướng-quân, vua Quang Trung (1788-1793), cưỡi voi, mạnh mẽ, nghiêm nghị, ở trước trận-doanh Nghệ-an, cất tiếng sang-sảng như chuông đồng, diễn thuyết cho tướng sĩ năm dinh Trung, Tiền, Hậu, Tả, Hữu tính tức *ngồi* nghe trước ngày 30 tháng chạp năm Mậu-thân (1788), kéo ra Thăng long chu giệt 20 vạn quân Tôn Sĩ Nghị :

« *Quân Thanh kéo sang xâm lấn, hiện đương chiếm cứ Thăng-long, các ngươi đã hay tin chưa ?*

« *Trong vòng trời đất, chia theo phận sao Dực, Chẩn, Nam Bắc vẫn riêng một non sông. Người Tàu không phải nòi giống ta thì tất khác lòng khác dạ. Từ nhà Hán về sau, họ cướp đất-đai ta : cả thịt nhân dân, vơ-vét của-cải ; nông-nổi ấy thật khó chịu quá ! Người nước ai cũng phải nghĩ đánh đuổi đi.*

« *Đời Hán, có Trưng nữ vương ; đời Tống có Đinh Tiên-hoàng (8), Lê Đại-Hành ; đời Nguyên, có Trần Hưng-đạo, đời Minh, có Lê Thái-Tổ. Các cụ không nỡ bó tay ngồi nhìn quân Tàu tàn-bạo, nên phải thuận lòng người, dấy quân nghĩa, đánh thắng chúng rồi đuổi cổ về Tàu. Trong những khi ấy, Nam Bắc đâu lại phân đó, bờ cõi yên ổn, vận nước lâu dài. Từ nhà Đinh trở nay, chúng ta không đến nỗi phải cái khổ thuộc nước Tàu như xưa nữa. Đó, lợi, hại, được, thua, chuyện cũ rành-rành là thế !*

(*Xem tiếp trang 91*)

SÁCH VỆ-SINH BẰNG QUỐC-NGỮ

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

SÁCH quốc-ngữ nói về vệ-sinh, thì hiện nay chỉ có sách cho học-trò học: nhiều quyển rõ ràng soạn rất cẩn thận, học đ[illegible] hợi lắm. Đến như [illegible] nhưng cho người thường xem thì chưa thấy có quyển nào viết theo cảnh-ngộ và lối sinh-hoạt của nước ta. Cảnh-ngộ và sinh hoạt mỗi nơi mỗi khác, như ở thành-thị là nơi đô-hội, chỗ ở phần nhiều chật-hẹp ẩm thấp, không được thoáng như ở nhà-quê, tất-nhiên không-khí trong-sạch có ít; vả lại sự ăn ngủ cũng không được điều-độ; như thế mà muốn giữ-gìn cho sức khoẻ thì phải làm thế nào? .. Ở nhà-quê, chỗ ở rộng-rãi, hô-hấp được nhiều không-khí tốt, nhưng phần nhiều nuôi lợn thả dong, có khi làm chuồng lợn, chuồng trâu, gần nhà quá; lại có những ao bẩn thỉu, người đến rửa rau, vo gạo, giặt quần giặt-áo...: nếu có nhà chuyên-môn xem xét kỹ-lưỡng, làm sách khuyên bảo, thì thật giúp ích biết bao!

Mới đây ông P. N. Khuê có làm một quyển « *Cải lão sinh lực* », phần thực hành trong bộ *Sức khoẻ mới* », do nhà Hàn-Thuyên xuất bản, dày 270 trang 13×19. Xem ra thiện về thuyết mới, nên có nhiều chỗ quá-đáng và nhiều chỗ sai-nhầm, như bài tự-luận có câu: « Phần đông dân quê và thợ thuyền thường thờ ơ với sức khỏe » (trang IX), « Bình tình mà nói thì ở xã hội ta ngày nay, rất ít người quan tâm một cách triệt-để đến sức khỏe » (trang X)...Thế sao lại có câu « Không ốm, không đau, làm giàu mấy chốc »?

Ở thiên thứ nhất, nói về « ăn uống », ông cho là tại ăn gạo nhiều, nên sinh nhiều « hoả ». Nguyên-văn của ông như thế này: « Tự bao nhiêu đời rồi, chúng ta chỉ biết có cơm, chỉ thích ăn cơm nhiều hơn cả, cho nên ngày nay giống nòi nhỏ bé yếu đuối. Đứa trẻ sinh vào một gia đình thiếu ăn như thế, khi đẻ ra đã kém rồi: người nhỏ cân nhẹ, bú ít, dễ mắc những chứng bệnh sâu răng, toét mắt, tả lỵ, sài hòn sài kính, bo gà, đau phổi. Phần nhiều là chết yểu » (trang 24). « Không những con nhà nghèo chỉ có cơm mà ăn, đến những con nhà khá giả, cũng chẳng biết ăn gì hơn nữa, tất cả đều cùng một số phận. Còn những người lao-động, sau khi đã làm lụng rất mệt nhọc, lại hay ăn nhiều cơm, tưởng rằng sẽ lấy lại được sức. Thực ra chỉ làm hư dạ dầy » (trang 25). Rồi ông kết rằng: « Xét ra, cơm là một thứ đồ ăn khó tiêu, nhất là cơm gạo chiêm » (trang 26).

Người Pháp nói khác hẳn, thí-dụ như ông J. Cardot làm chánh sở khoa-học và thống-kê ở Cục kinh-tế Đông-dương (chef du Service scientifique et statistique de l'Agence économique de l'Indochine) ông nói « Gạo là một thứ ăn rất tốt, rất lành, rất bổ, mà lại rất rẻ tiền. « Hội khoa-học khảo về vệ-sinh các thức ăn và cách ăn uống cho hợp lý » đã chứng minh rằng 100 gam gạo bổ bằng 46 gam bơ, bằng 87 gam đường, bằng 98 gam bún tây, bằng 102 gam biển-đậu, bằng 120 gam sườn lợn hay sườn cừu, bằng 135 gam bánh tây trắng, bằng 185 gam thịt bò thăn, bằng 241 gam gà giò, bằng 450 gam cá mòi tươi, bằng 500 gam khoai tây, bằng ba hay bốn quả trứng tùy to nhỏ, và bằng một nửa lít sữa » (Le riz est un excellent aliment, des plus sains, des plus nutritifs, et en même temps des plus économiques. La *Société scientifique d'hygiène alimentaire et d'alimentation rationnelle de l'homme* a établi que 100 grammes de riz nourrissent autant que 46 grammes de beurre, que 87 grammes de sucre, que 98 grammes de macaroni ou autres pâtes, que 102 grammes de lentilles, que 120 grammes de côtelettes de porc ou de mouton, que 135 grammes de pain blanc, que 185 grammes de filet de bœuf, que 241 grammes de poulet, que 450 grammes de harengs frais, que 500 grammes de pommes de terre, que 3 ou 4 œufs selon leur grosseur, et qu'un demi-litre de lait. — J. Cardot, *Le riz dans le monde et en Indochine* trang 10).

Giả ông P. N. Khuê dẫn đủ như thế, rồi ông kết rằng: cơm ăn với những thứ gì thì mới thành một món ăn hoàn-toàn, — không nên mớm cơm cho trẻ con hay cho trẻ con ăn cơm sớm quá, — cần phải kiêng cơm trong khi có bệnh, v. v... Nói như thế thì có lẽ nhiều người tin lời ông là phải. Đằng này ông lại viết những câu như thế này: «...bữa ăn hay có canh hoặc nước rau, nước dưa, hoặc nước vối, nước lã để chan vào cơm. Trong mười người thì có đến bảy tám người không ăn khan được. Những người ăn khan được thì ngay lúc vừa ăn xong, ngay trong khi sắp răng cũng phải uống một chén tống hoặc một bát nước chè hay nước vối» (trang 27-28).

Người xem đến đây tất cho là sông nhầm, vì không riêng người Nam vừa ăn vừa uống, cả người Tây cũng thế: tuy họ không ăn canh như ta, nhưng mỗi bữa đều có rượu vang, — nay không có rượu vang thì dùng rượu bia, — người nào không uống được rượu thì uống nước lọc.. Vả lại, hai tiếng «ăn uống» đi với nhau không phải là không có lý.

Ông Khuê dẫn câu «rau chấo qua thì» và câu «ăn cho xong bữa» (ở trang 27) để làm chứng cho tật an nhanh, nhưng hai câu ấy không phải nghĩa thế: người ta thường nói để tả cảnh nghèo, tả cảnh người không sắm được những thức ăn ngon, ăn bổ, bữa nào cũng «rau chấo» cho «qua» lúc đói, cho «xong lần», chứ không phải là nghĩa «an nhanh».

Không những dẫn sai, ông Khuê lại còn dùng sai tịch sai. Như trang XII, ông hỏi «Làm thế nào để khỏi trông thấy... những người lớn gầy như que củi, vàng như thị rụng, vừa ngu vừa dốt vừa gian, vừa hèn?» Ngu dốt thì hóa hèn, còn người gian không phải ngu dốt: chính họ thông-minh, nhưng dùng nhầm cái khiếu thông-minh, nên mới thành ra xảo-trá gian-ác.

Ông Khuê lại hỏi «Làm thế nào để không có cái phần nhân loại tàn-phế hàng ngày vẫn lúc-nhúc sống ngay bên cạnh nách ta và có thể truyền những bệnh tật cho ta hoặc phạm những tội ác ghê gớm và bôi nhọ cảnh sinh-hoạt của xã-hội loài người?» Đặt một câu hỏi như thế, có khác gì bảo người ta phạm đến sinh-mệnh của người yếu, làm đến quyền-lợi của loài người, bỏ hết sự mưu ích cho nhân-loại: nói tóm lại, trái hẳn với nhân-nghĩa, nhân-đạo.

Trang 59, ông Khuê dịch một câu chữ Pháp là: «Ăn xong đứng dậy rồi, còn phải thấy ngon miệng có thể ăn được nữa» (On doit toujours sortir de table avec quelque appétit). Thế thì không rõ nghĩa và mất cả cái tinh-thần câu văn; tôi tưởng nên dịch là: «Bao giờ người ta cũng phải thôi ăn khi hãy còn ngon miệng đôi chút», tức là không nên ăn no quá.

Những chữ sai nhầm nhiều thế còn nhiều lắm: trở lại trang XII có câu «...không phải làm nô lệ cho thầy lang thầy thuốc», đến trang XIII lại có câu «...ở bất cứ ngành sinh hoạt nào của loài người, cũng sẽ có bàn tay khôn khéo của Y học phụng vào»! Trang XVI, có câu «...những sự nghiên cứu của các nhà sinh lý học gần đây đã rọi nhiều ánh sáng vào trong cái tình trạng đen tối của những người ốm yếu và *tuần quần*» v. v.

Giá ông Khuê soạn kỹ và cẩn nhắc từng chữ, thì quyển sách của ông cũng ích lợi: chỉ vì ông viết cẩu-thả qua, cho nên 60 trang đầu đã nhầm đến thế! Nhưng thực ra sách ông có nhiều đoạn hay, nếu sửa lại cho đều, thì cũng giúp được nhiều người.

Ứng hoè NGUYỄN VĂN TÔ

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p00 một vé

Về cuộc thi lịch sử tiểu thuyết của Trí-Tân

Sau ngày 30 Juillet 1943 là hết hạn gửi bài, chúng tôi chỉ nhận được hơn 20 tiểu thuyết dự thi.

Ban giám khảo xét kỹ tất cả thấy phần nhiều các tác giả đã làm tiểu thuyết với lý sự, hoặc đặt ra những sự hoang đường không hợp quốc sử.

Vì vậy chúng tôi không phát các giải thưởng chính mà chỉ lựa trong số ấy lấy một cuốn phát giải thưởng khuyến khích thôi:

Quyển «*Hoành sơn thảm sử*» của Đỗ hoành Lạc poste Cao lãnh Sadec; được giải khuyến khích.

Cuộc thi này tuy không có quyển nào trúng cách nhưng chúng tôi cũng xin thành thực cảm tạ các nhà dự thi đã bớt thì giờ mà lưu tâm đến quốc-sử.

Mong rằng trong một kỳ thi tới bản chí sẽ nhận được những bản thảo đặc-sắc.

T. T.

Góp vui

Một giai-thoại tặng các nhà viết sử

ÁI-LANG *và* BÍCH-CÂU

MỘT buổi sớm đủ cả nắng hồng, giời xanh, gió mát và khuyên vàng kêu. Bên trồng bản thảo cao ngất ngưởng bộ Nhân loại biện chứng sử đang viết giở, bạn nhấp chén chè Vũ di thơm ngát, ngửa mặt nhìn khói thuốc, lững lờ bay, rồi mỉm cười, thong thả từng tiếng một, kể cho nhà viết sử nghe một câu chuyện sau này:

Ngày xưa, vào hồi ở Đông phương, người ta còn lấy dùi tung đỏ viết lên miếng tre xanh, xỏ giây da, cheo lên tường, để trước tác các bộ sử (1), và ở Tây phương, những lái buôn Phê-ni-sừng và Á-lạp-bá còn lấy dao đá vạch lên những miếng đất sét để làm thương-khoán (2) thì ở nước Ba-tư, một nước văn minh bậc nhất, nhì đời cổ, một nước mà cai sử gia đã biết dùng da dê bào nhẵn viết nên những quyển sử mỉm màng, nõn nà, có một ông vua trẻ tuổi, mới lên nối ngôi phụng hoàng, cho hội nghị toàn thể các nhà bác học lão thành trong nước lại. Cuộc hội nghị ấy long trọng có lẽ từ thượng cổ tới lúc độ, mới có, gồm toàn những ánh sáng về sử học, văn minh học và khảo cổ học đã từng đầu bạc, lưng còng vì nghề đào cổ mộ, sao chép những bản sách giấy lau (Papyrus) nước Ai-cập và những bản sách lụa mỏng nước Ấn-độ. (3)

Tài học các bậc học giả ấy thật là siêu việt, quán thông. Có ngài đã đọc nổi được bài bia đời Orodès, (53 trước T.C.G.S.) để lại cho đời được một tài liệu rất quý báu là bảng danh sách các vị Marzbân (5), Rad (6), Shâhrikan (7) dekhan (8) dưới triều Ardashir đệ nhất.

Có ngài đã khảo cứu tường tận được những mẫu vải và mẫu thêu ở các y phục của dân gian dưới triều vua Mithradâta (9)

Có ngài đã đo được hết đường ngắn, đường dài, lối con, ngõ hẻm của tỉnh Pasargades. Viết nên quyển *Pasargades địa chí.*

Vân vân, vân vân kể ra đây không sao hết được. Chỉ nên tóm tắt lại rằng đó là những học giả giỏi lắm.

Tân quân phán rằng:

Trẫm nghe Zeb (10) phụ tử thường dạy rằng: xưa kia, các bậc thánh quân minh chúa như vua Cyrus, vua Cambyse (11) đều noi gương cổ nhân mà trị dân thì bách tính mới bình trị, tên miếu mới bền vững, quốc vận mới lâu dài. Muốn hiểu tư tưởng và hành vi cổ nhân, tất phải xem sử. Trẫm muốn phiền các hiền khanh đem tài bác cổ thông kim, suy tầm tài liệu mà viết cho trẫm một pho *Thế giới sử* thực tường tận, đầy đủ, có cả chú thích những xuất xứ của các tài liệu và những điển cố về vị trí địa dư. Các khanh khá gắng sức làm đi, đừng phụ lòng mong mỏi chân thành của trẫm. »

Các nhà bác học cúi đầu vâng mệnh, tung hô vạn tuế rồi lui ra, bắt đầu chia nhau công việc, không bỏ lỡ giờ nào. Các danh tướng Ba tư lại phải chinh phục thêm vài trăm bộ lạc nữa để đủ nô lệ về đào bới cổ mộ, lăng tẩm đời xưa giúp nhà tiên sử học. Các nhà làm kính cận thị chế không kịp kính để bán cho các nhà phê bình tài liệu sử, các thư viện phải tăng thêm lương cho bọn gác để quét những đống bụi mà các nhà khảo cổ học đã rũ ở các sách ra.

Ba mươi năm sau, một sớm, trước cửa Ngọ môn, một đoàn quân áp tải 12 con lạc đà, trên lưng mỗi con chất nặng hơn 500 quyển sử da dê, to như đá xây kim tự tháp Ai-cập và giầy như gạch sếp ở Vạn lý trường thành. Nhà bác học, trưởng ban tu soạn *Thế giới sử*, lụ khụ chống gậy, vào trước ngai vàng phủ phục tâu rằng:

« Muôn tâu bệ hạ, thần đẳng xin dâng trình ngự lãm toàn bộ *Thế giới sử*, chúng thần vừa biên soạn xong, sau 30 năm nghiên cứu. Phó sử đồ gần có 6000 quyển chép đủ cả mọi việc từ cổ chí kim của tất cả các nước lớn nhỏ ở trên thế giới, nhỏ nhặt như chuyện vợ vua Orisis nước Ai-cập vừa khóc vừa đi tìm những mảnh xác của chồng (12), to tát như chuyện ông Solon định lại luật pháp thành Nhã điển (13), nhất nhất đều có biên chép tường tận lại ghi thêm cả địa dư, phong tục, tôn giáo, văn chương, khoa học, triết học v. v... của các nước ấy theo lịch trình tiến hóa của chúng qua các thế kỷ. Riêng những quyển hai luận rõ những vết xét những

giai đoạn tiến hóa của phương pháp chép sử và cách thức phê phán tài liệu cũng đã chất đầy một con lạc đà. Những quyền nhập luận để nói rõ việc đức Ahura Mazdà tạo tái nên thế giới, và ban ơn riêng cho giống Ba tư, là con cháu các vị tiên, thần, sau này sẽ thống trị cả thiên hạ, cũng phải chất đầy một con lạc đà khác nữa.

Vua Ba-tư cảm động phán rằng:

— « Các lão khanh. Trẫm rất đẹp lòng vì sự sốt sắng của các khanh đã không quản công lao mà làm xong bộ *Thế giới sử*. Nhưng hiện nay, chính sự bộn bề, biên cương đa sự, mà trong 30 năm nay, trong khi chờ đợi pho sử của các khanh để học phép hành chính của cổ nhân, thì trẫm đã gần bạc đầu. Thủa niên thiếu qua rồi không trở lại. Thời thanh nhân, cũng chẳng còn lâu được tới hôm nay. Trẫm dù hưởng lộc trời trăm tuổi nữa, cũng không còn hy vọng đủ thời giờ đọc xong 6000 pho sử của các khanh. Vậy thì truyền nội giám hãy cất sử ấy vào kho để giữ làm quốc bảo. Còn các lão khanh, công cuộc khảo học của các khanh không phải là không giúp cho « Sơn hà thiên cổ điện kim ân », hãy nhận lời khen của trẫm. Nhưng dám phiền các khanh hãy nghĩ cách nào rút ngắn ngắn pho *Thế giới sử* lại cho trẫm đủ thời giờ xem. Các khanh khá tuân lời trẫm mà tiến *hành công việc ngay đi.* »

Các nhà bác học lại cặm cụi trong 20 năm nữa để toát yếu Thế giới sử lại. Trong bộ biên tập có nhiều ông già quá chết đi, mình lại phải chọn từng « kíp » bác học trẻ tuổi vào, hỏa tốc ngày đêm chỗ kong công việc. Trong khi thi nhân Khayâm thủ thỉ dưới hoa hồng, giữa một vườn xuân, nắng dịu, những lời ân ái với người yêu nho nhỏ xinh xinh:

Em yêu ơi!
Ngồi xuống cùng anh
Trên cỏ xanh!
Còn lâu chi nữa một mai đây
Em và anh yên nghỉ ở nơi này.
Dọ hái cốt.
Lại nuôi cho cỏ tốt (14).

Và Sa'di, mơ màng cất chén rượu bồ đào nghĩ tới người yêu luyến:

Một ngày, ở ngoài nội.
Tình cờ em gặp anh.
Đôi lứa xong xong bóng.
Rén ra khỏi đô thành.
Thấy không em, hạnh phúc.
Của riêng em và anh.
Những phút say sưa sống
Đôi la mình với mình. (15)

Thì bụi sách bay mù trên những đầu bạc và những chữ li ti nhảy múa quay cuồng dưới những kính lóa mờ. Và chữ lại chạy theo chữ, giấy lại xếp trên giấy để cho những đầu hòa râm trắng xóa những đầu trắng xóa hói trơn, những đầu hói trơn trơ sọ dưới mồ cỏ nát.

20 năm qua. Một sớm, 3 con lạc đà, mỗi con mang 500 quyển sử đến chực trước ngọ môn. Trưởng ban biên soạn *Thế giới sử*, lưng đã còng, mắt đã lòa, *mỗi bước đi phải có 2 cháu nhỏ* đỡ, vào trước sân rồng, tung hô vạn tuế:

« Muôn tâu thánh thượng, thần đằng cúi dâng thánh thượng, pho *Thế giới sử* đã toát yếu lại không sót một đoạn chính nào ».

— « Hay lắm, hay lắm! Các khanh thật là cần mẫn trung thành. Nhưng trẫm già rồi, không đọc được dài giòng như vậy nữa. 1500 quyển sử vẫn còn là dài quá. Vậy các khanh lại cố thu thật ngắn lại lần nữa cho trẫm xem. Trẫm mong đợi từ lâu, các khanh đừng chậm trễ! »

Các nhà bác học lại cặm cụi trong 10 năm, rồi mang dâng 500 quyển *Thế giới sử*. Cụ trưởng ban sử, lọm khọm, phều phào tâu rằng.

— « Muôn tâu hoàng thượng, lần này chúng thần đã rút ngắn lắm rồi ».

Vua buồn rầu phán:

— « Lão khanh ơi! Trẫm già lắm rồi, khó lòng sống lâu nam nữa, làm sao mà đủ thì giờ đọc 500 quyển sử của các khanh. Nếu các lão khanh muốn cho trẫm biết nhân loại sử trước khi lìa cõi trần này, thì các khanh khá vì trẫm rút thật ngắn lại nữa ».

(*Xem tiếp trang 20*

Đã có bán:

NGUYỄN TUÂN

QUÊ HƯƠNG

512 trang. — In đẹp
Bản thường: 5$00
Bản Gió Vân (hết)
Bản Impérial Đại La: 20$00.
(còn một số ít)

Anh Hoá
69 hàng Than Hanoi

ĐẠI-NAM DẬT SỬ

Số 10

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

VII. — Cuối đời Tam-quốc, các quan thú-mục bên Tàu đối với nước ta thế nào?

Dưới này là chép nốt truyện Đào-Hoành, trong có đoạn nói vua nhà Tấn sau khi đã nhất-thống được nước Tàu, ra lệnh rút bớt quân Tàu đóng ở châu Giao, thì Đào-Hoành có dâng một bức thư (chữ nho gọi là *thượng ngôn*) kể về tình-hình châu Giao. Nếu sử chữ nho chép đúng, thì bức thư ấy là một sử-liệu có giá trị đích đáng, vì trong có hai việc nên chú ý: một là dân Lâm-ấp (Chiêm-thành) hay cướp bóc, so với sách Tây có một đoạn cũng giống như thế là đoạn sau này: « Trước mặt giải đất chật-hẹp của người Chiêm-thành, có miền bể rất nhiều hải-lợi: không những nhiều cá mà thôi, lại còn nhiều thuyền buôn qua lại. Nghề giặc bể ở đấy chắc là tốt, người Chàm làm nghề ấy rất thắng lợi. Họ nấp ở trong bến của họ, hoặc nấp sau cù-lao của họ, rồi thình lình nhảy vào thuyền rất dễ-dàng. Những thuyền ấy chở các đồ vật, như chim thuy-vũ, ngọc trai, ngà voi, vàng, bạc, hương liệu và hương-phẩm, từ Ấn-độ và Chà-và sang Quảng-đông. Có một lần vua Chiêm-thành gửi sang cống vua Tàu bằng những đồ vật cướp được của những người buôn A-rập rất nhiều, cho rằng dâng công như thế là xảo-quyệt và tiện việc. Nhưng cả đơn khiếu nại của bọn A-rập tới tới vua Tàu, cho nên những đồ dâng cống ấy đều bị khước cả. Lắm khi những thuyền ấy chở những pho tượng để thờ, như pho tượng Phật bằng ngọc-bích đã nổi tiếng truyền tụng xưa nay của vua Tích-lan (Ceylan) dâng vua Tàu về đầu thế kỷ thứ năm: pho tượng ấy được thờ trong một thế kỷ, sau giữa làm châm để cài tóc, xuyến để đeo tay cho các cung-phi của vua Tàu. Pho tượng đó còn được đến nơi, nhưng chắc còn nhiều pho khác không đi được trôi-chảy như thế. Cho nên người ta có thể tự hỏi rằng pho tượng Phật bằng đồng đen có vẻ đẹp, hiện bày tại viện bảo-tàng trường Bác-cổ Hà-nội (tức là pho tượng đào được ở Đồng-dương, tỉnh Quảng-nam), xem cách cấu-tạo thì là của người Tích-lan, không còn nghi-hoặc gì mấy, phỏ đó có phải là đồ thiếm-đoạt của bọn giặc bể Chiêm-thành không? » (dịch trong bài tựa của ông Louis Finot để ở quyển *Les Chams et leur art* của bà Jeanne Leuba, trang 6).

Việc thứ hai trong bức thư Đào-Hoành mà ta nên để ý đến, là việc người Tàu sang cai-trị nước ta từ đời Hán (111 trước Thiên-Chúa) đến năm Đào-Hoành dâng thư (280 sau T.-C.) tính ra đã gần 400 năm, thế mà cách giáo-hóa của người Tàu vẫn chưa đi khắp. Xem như câu: « Phía nam châu Quang đất-tích có hơn sáu nghìn dặm mà, đến 5 vạn nhà không thần-phục. Bọn *bất mi* (không phục tùng buộc, vì có tài cao-siêu ở Quế-lâm có độ một vạn nhà, mà phục tòng việc quan chỉ hơn năm nghìn nhà) ». Thế mới biết dân ta bấy giờ đã biết trọng quyền tự-chủ lắm.

Nối truyện Đào-Hoành như sau này:

Đào-Hoành đánh được bọn Dương-Tắc, dẹp yên Giao-châu: nhà Ngô cho Hoành làm thứ-sử, cầm cờ tiết đô-đốc cả việc quân ở châu-Giao, chức là « tiền-tướng-quân Giao-châu mục ».

Đào-Hoành là người có mưu-chước, chu cấp cho người cùng khổ hay làm việc bố-thí, được lòng người, ai ai cũng vui theo cho nên đến đâu cũng thành-công. Lúc bấy giờ quận Vũ-bình (tức Hưng-yên bây giờ), quận Cửu-chân (Hà-tĩnh) và quận Tấn-xương (Sơn-tây), địa-thế hiểm-trở, bọn di-lão (mường-mán) ương-ngạnh, không phục đã lâu. Đào-Hoành dẹp yên được cả, đặt thêm quận và mở thêm ba mươi huyện thuộc quận Cửu-chân.

Sau nhà Ngô với Hoành làm đô-đốc Vũ-xương, cho thái-thú Hợp-phố là Tu-Doãn (*Đại-Việt sử-ký toàn thư*, quyển 4, tờ 6 b, chép là Tu-Nguyên) sang thay. Tu-Doãn đi đến quận Quế-lâm thì thuộc-hạ ở châu Giao là Quách-Mã làm phản (chép theo *Đại-Việt sử-ký*, tiền-biên, quyển 4, tờ 10 b). Người châu Giao, kể có hàng nghìn, xin lưu Hoành lại (*An-nam chí-nguyên*, trang 153, chép 30 bọn xin lưu Hoành lại; nếu tính mỗi bọn 30 người, thì cũng được hàng nghìn người). Vua Ngô lại cho Hoành về chức cũ.

Đến năm canh-tí (280 sau T.C.), năm thứ nhất hiệu Thái-khang nhà Tấn, vua Ngô là Tôn-Hạo đã hàng nhà Tấn, tay viết thư khuyên Đào-Hoành quy thuận nhà Tấn

Đào-Hoành khóc đến vài ba ngày, sai sứ đem ấn tín đưa về Lạc-dương. Vua nhà Tấn ban chiếu cho phục chức cũ, phong tước Uyển-lăng-hầu, đổi làm chức quán-quân tướng-quân.

Lúc bấy giờ nhà Tấn đã dẹp yên nước Ngô, bớt quân ở châu quận. Đào-Hoành dâng thơ nói rằng: «Giao-châu xa xôi, ở lánh về một cõi, liền dải núi bể, ngoài cách Lâm-ấp đến bảy trăm dặm, người đầu bọn Hồi là Phạm-Hùng (xem quyển G. Masperó, *Le royaume de Champa*, trang 53-55) đời đời cướp bóc, thường nhiễu hại dân Giao-châu, lại kết-liên với Phù-nam, thường vào ăn cướp, đánh phá quận huyện, giết hại lại dân. Xưa tôi được cố-quốc (nhà Ngô) dùng, đã ở phía nam hơn mười năm, tuy trước sau đánh dẹp, giết được những người đầu đảng, nhưng núi thẳm hang sâu, còn có chỗ lần-lút. Vả lại quân của tôi vốn có hơn tám nghìn người (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 4, tờ 11a, chép hơn bảy nghìn người) mà đất Nam ẩm thấp, có nhiều khí độc, gia-dĩ đánh dẹp luôn luôn, chết đi mất, chỉ còn 2.420 người! Nay bốn bề hỗn đồng, không đâu là không phục, nên cuốn áo giáp, hủy mũi nhọn, chăm về lễ nghĩa là phải. Nhưng mà người châu này không ưa yên vui, chỉ thích họa loạn. Vả lại phía nam châu *Quảng diện tích có hơn sáu nghìn* dặm, mà đến hơn năm vạn nhà không thần-phục. Những bọn ở Quế-lâm không thể ràng-buộc được, vì có tài cao siêu (chữ nho gọi là *bất-mi*, cũng như chữ *tuấn-dật*) có độ vạn nhà, mà phục tùng việc quan, chỉ có hơn năm nghìn nhà! Hai châu (Quảng và Giao) như môi với răng, phải đem quân đến trấn. Lại đất Hưng-cổ ở Ninh-châu giáp-giới với thượng-lưu, cách quận Giao-chỉ 1.600 dặm, đường thủy đường lục đều sẵn, quan-hệ với nhau. Quân ở châu Giao chưa nên rút bớt, kẻo lộ thế yếu *(đơn hư)*.» Vua Tấn nghe theo.

Đào-Hoành ở châu 30 năm, ân-uy rõ-rệt, được người trong châu kính-mến. Đến khi mất, cả châu kêu khóc như tang cha mẹ (chép theo *Toàn-thư*, quyển 4, tờ 7 a, *Tiền-biên*, quyển 4, tờ 11 b, và *An-Nam chí-nguyên*, trang 153) vua Tấn cho chức viên-ngoại-lang tán-kị thường-thị là Ngô-Ngạn làm chức Nam-trung đô-đốc Giao-châu thứ-sử.

Khi Đào-Hoành mới mất, quân Cửu-chân làm loạn, đuổi thái-thú. Người đứng đầu bọn quân ấy là Triệu-Chỉ vây quận: Ngô-Ngạn dẹp yên, ở châu 25 năm, nhân-dân được yên-ổn. Sau tự dâng biểu xin về Tàu: vua nhà Tấn cho Cố-Bí sang thay: Bí cũng là người lương-mục, cả châu yêu-mến. Đến lúc Bí mất, người châu Giao ép con Cố-Bí là Cố-Sâm coi việc trong châu. Khi Sâm mất, em là Thọ cố xin lĩnh việc châu Giao, giết người trưởng-lại là bọn Hồ-Triệu, lại toan giết trưởng-hạ đốc-quân là Lương-Thạc: Thạc chạy được khỏi, cất quân đánh Thọ, bắt được (*Đại-Việt sử-ký* tiền-biên, quyển 4, tờ 12 a, chép rằng Lương-Thạc bắt được mẹ con Cố Thọ, đều bắt uống thuốc độc chết; *Toàn-thư*, quyển 4, tờ 10 b, chép rằng khi Cố Thọ bị Lương-Thạc bắt, mẹ Cố Thọ bắt Cố Thọ uống thuốc độc chết)

Thạc sợ dân-tình không hợp, mời đón con Đào-Hoành là Đào Uy, đang làm thái-thú Thương-ngô, lĩnh chức thứ sử châu Giao. Đào-Uy làm quan rất được lòng dân, ở châu 30 năm rồi mất. Em Uy là Đào-Thục, con Uy là Đào Tuy, kế tiếp nhau làm thứ sử.

Tự Đào-Cơ đến Đào Tuy, cộng bốn đời, đều làm thứ-sử. Đào Cơ là cha Đào Hoành. *Toàn thư* (quyển 4, tờ 10 b) chép Cơ là tổ-phụ Đào-Hoành thì nhầm (chép trong *Khâm định Việt sử thông giám cương-mục*, quyển 3, tờ 14 b — 17 b).

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CẢI CHÍNH

Trong số này mục SÁCH MỚI ở trang 23 cột 3, giòng 7: Nhiều *người* ngụ ý xin đọc là nhiều *bài* ngụ ý...

ĐÃ CÓ BÁN:

Khảo-cứu về Tiếng Việt-Nam

của Trà-Ngân giá 2$50

Các bạn mỗi người đều nên có một cuốn **Khảo cứu về Tiếng Việt-Nam**, để các bạn nói cho đúng, viết cho đúng tiếng nước nhà. — Các bạn còn biết cách làm các lối thơ, phú, từ, khúc, và còn được thưởng-thức những áng văn kiệt-tác trong văn-học-giới Việt-Nam.

Công - chúa tóc vàng

Tức Hoa-Mai số 32

của Phan-Nhã giá 0$,20

THÁM-HIỂM GÒ KHÚC-RỒNG

Tức Hoa Mai số 33

của Nguyễn-Phú-Đốc giá 0$20

Nhà xuất bản Cộng - Lực

N° 9, Rue Takou — Hanoi

Việt nam khoa học ngữ

Mảng cái phương pháp ấy ứng dụng trong các khoa

Số 2

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

Những tiếng như Đảng, Đong, Đẫy, Đừng, Đả, Đắm, Đĩa, Đuyên, Đạnh, Đuanh, Đền, Đao, Đữa, Đai, Đối, ai biết đều không phải là tiếng an-nam khi nó có tất cả các bản năng (les caractères) của tiếng an-nam ?

Những tiếng ấy là những tiếng mới tinh tạo, không phải những đoạn thường ngữ, không phải những tiếng sẵn có thì mới dùng làm Chuyên môn tự được.

Mỗi tiếng ấy nó gồm nghĩa của cả một đoạn, một câu thường ngữ nên mới dùng nó làm chuyên môn tự được.

Những chuyên môn tự tạo ra bằng cách chọn chữ rồi nói liu lai như thế rất tiện. Nếu không có những chuyên môn tự như Đảng, Đong, Đẫy vân vân, tất sẽ phải đúng những đoạn thường ngữ như Đường thẳng, Đường cong, Đường gẫy đoạn vào. Mỗi đoạn hai chữ : một chữ chỉ tính như Thẳng, Cong, Gẫy, đi sau chữ chỉ tên như Đường. Không muốn lấy đi, lấy lại cái vần Đ (Đảng, Đong, Đẫy, Đừng) tất phải lấy, đi lấy lại mãi cái chữ Đường lại thêm một chữ chỉ tính, hay chỉ công dụng, giòng dài, tốn công viết, tốn công đọc, tốn thì giờ cho kẻ viết người học.

Những người câu nệ sẽ bẻ rằng những tiếng mới tạo ra đó nhiều tiếng chùng âm với những chữ đã sẵn có ở trong thường ngữ rồi.

Cái đó là sự cố nhiên không thể tránh được. Muốn cho những tiếng mới tạo ra có đủ bản năng của tiếng an-nam giòng, nhà quê kẻ chợ ai cũng đọc được thì không làm sao chánh khỏi sự chùng âm. Hễ cuống-hộng người an-nam đọc được thì tự nhiên viết bằng vần quốc ngữ được, mà viết bằng vần quốc ngữ được thì tự nhiên có nhiều chữ chùng âm.

Cái tật ấy là cái tật chung cho cả các thứ tiếng độc vận, không làm sao tránh được. Mà nếu cách viết lại theo vần a, b (transcription phonétique alphabétique) thì những tiếng chùng âm lại còn chùng cả dạng (forme graphique) nữa (Homonymes-homographes).

Những cái tật nhiều chữ chùng âm ấy không can hệ gì, không phải là một sự cản trở lớn. Dở một cuốn tự vị việt-nam ra mà coi. Có khi một vần có dấu giọng chỉ năm bảy nghĩa khác hẳn nhau, một vần không có dấu giọng có khi chữ mươi mười lăm nghĩa không liên lạc gì với nhau là thường. Vậy mà khi ta nói hay ta viết, người nghe hay người đọc không lầm nghĩa bao giờ. Không ai lầm chữ Nước, nước lã, nước trà với chữ Nước, nước nhà hay nhà nước bao giờ. Không ai lầm chữ Quốc, thuốc quốc với chữ Quốc, quốc-gia bao giờ. Không ai lầm chữ Giang, ống giang, ống tre, với chữ Giang, giang-sơn bao giờ. Không ai lầm chữ Ba, một hai ba, với chữ Ba là Cha, Ba là sóng, Ba là nhiều (một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao) Ba-ba là con ba-ba với Ba ba là chín bao giờ.

Không lầm nghĩa được là nhờ có chữ trên chữ dưới (le contexte), nhờ cái trường hợp, cái đầu đề của câu chuyện. Và Hoá học người Pháp nói đến Sel ai cũng biết ngay là vật gì, không đi lầm với muối dùng trong bếp, thì về Tính học sau này nếu người Nam nói đến Đẳng, Đong, Đẫy, cũng không ai hiểu lầm là ghế đẳng, đong lường, mập-mạp được. Chỉ cần chánh sự chùng âm trong một loại chữ (thường ngữ tự, chuyên môn tự) của một môn khoa học thôi. Muốn như vậy không khó gì. Nhưng, tự nhiên, nếu tránh, được sự chùng âm trong chuyên môn tự của cả các môn thì càng hay.

Theo óc Khoa học thì mình phải làm cái điều mà mình không thể tránh được. Cái khó chịu gặp chữ đồng âm mà không thể tránh được còn dễ chịu bằng vạn cái khó chịu khác là cái khó chịu nghe thấy nói ngọng tiếng ta.

b) *Hình học chuyên môn tự.*

Người những Đẳng ấp danh từ, những chữ chuyên môn khác của Hình học cũng phải dịch bằng những cần tự lấy ở trong thường ngữ ra, rồi rút mỗi câu lại thành một tiếng mới mà dùng.

Tỷ dụ, xem bảng Hình học chuyên-môn tự dưới đây:

Tiếng pháp	Đoạn thường ngữ	Chữ chuyên môn	Lời chú
Point	Chấm	Chấm	Sẵn có trong Thường
Lignes	Đường	Đường	ngữ tạm dùng được.
Surfaces	Mặt	Mặt	Dịch nghĩa khoa-học
Volumes	Khối	Khối	cho chúng.
Intérieur	Nội	Nội	Thường ngữ
Entérieur	Ngoại	Ngoại	Thường ngữ
Equidistant	Bình viễn	Biễn	Nói rìu
Paralèles	Song-song	Song	Để một chữ cũng rõ
Sécantes	Gặp nhau	Gau	Nói rìu
Perpendiculaires	Sừng-sững	Sững	Để một chữ thôi
Angle	Góc	Góc	Thường ngữ
Angle droit	Góc vuông	Guông	Nói rìu
Angle aigu	1·) Góc sắc	Gắc	Trong tiếng pháp
	2·) Góc hẹp	Ghẹp	không có những chữ
Angle obtus	Góc rộng	Gộng	chuyên - môn đáng-
Angle plat	Góc bán (nguyệt)	Gán	đôi với mấy tiếng việt
Angle plein	1·) Góc mãn (nguyệt)	Gãn	nam chuyên môn này
	2·) Góc chu	Gu	
	3·) Góc toàn	Goàn	
Complémentaires	Phụ bổ	Bổ	Hai chữ lấy một
Supplémentaires	Bổi bổ	Bổi	
Adjacents	Xát cạnh	Xạnh	Nói rìu
Degré	Không có tiếng	Nhệ	Việt hóa tiếng pháp
Grade	thường ngữ tạm dùng được	Nhát	
Sommet	Đỉnh	Đỉnh	Thường ngữ
Egaux, égales	Bằng nhau	Bau	Nói rìu
Semblables	Giống nhau	Giau	Nói rìu
Equivalents, tes	Cân nhau	Cau	Nói rìu
Dièdre	Nóc hai	Nai	Nói rìu
Trièdre	Nóc ba	Na	Mấy chữ chuyên môn
Tétraèdre (angle)	Nóc bốn	Nôn	này thuộc về Đẳng
Polyèdre (angle)	Nóc nhiều	Niều	cấp danh từ Dùng chữ Nóc, không dùng chữ Mái vì Mái với Mặt cùng một vần M

(Xem tiếp trang 14)

Những lời di chúc

của mấy danhân Đông, Tây

PHẠM-MẠNH PHAN

Trải qua Đông, Tây kim cổ, các bậc danh nhân vẫn là của báu của muôn đời. Hết thảy các nước đều sùng phụng danh nhân một cách xứng đáng với công nghiệp người xưa để tỏ tấm lòng mến tiếc những bực kỳ tài trên trang lịch-sử.

Từ bực anh hùng xuất chúng đến các văn nhân thi nhân tài hoa lỗi lạc, những hành vi, những ngôn ngữ cử chỉ đều được mọi người nhắc nhở.

Đối với những người quá cố, những ý muốn sau cùng vẫn được mọi người tôn trọng.

Tôi xin thuật ở đây những lời di chúc của ít nhiều danh nhân đông tây để hiến các bạn đọc trong những giờ nhàn rỗi.

Napoléon I (1769 - 1821)

Bực đại anh hùng ấy của nước Pháp đã từng chinh phục khắp Âu châu, đã từng đè trên đống thây của bao triệu sinh linh để đi tới đài vinh quang một cách rực rỡ huy hoàng.

Gặp lúc anh hùng mạt lộ, Napoléon đành phải sống những ngày tàn bó buộc trong cù lao hẻo lánh, Sainte Hélène.

Ngày 25 tháng 2 nam 1821, biết mình sắp đến lúc phải hắt hơi thở cuối-cùng, nên ngài yêu cầu nhà chức trách Anh, sau khi ngài mất cho mổ tử thi ra khám nghiệm.

Ngài tự biết mắc bệnh nham-thũng (ulcère cancéreux) là bệnh gia truyền vì đấng thân sinh ra ngài và hai chị ruột ngài đều chết về bệnh đó.

Ngài yêu cầu gửi tờ biên bản của bác sĩ cùng bộ dạ dày về cho con ngài là quận công De Reichstadt để biết mà gìn giữ. Hơn nữa, biết hoàng hậu Marie Louise là người bất chính nhưng cảm động thay, Napoléon vẫn còn thương nhớ mà yêu cầu gửi cho bà trái tim của mình. Ai ngờ bậc đại anh hùng ấy có tâm hồn sắt đá lại là một người chồng chung tình có một!

Vốn ghét người Anh, nên Napoléon dặn lại không ưng cho một nhà giải phẫu người Anh nào được mó vào tử thi của ngài.

Viên toàn quyền Sainte Hélène là Hudson Lowe phản kháng những điều ngài dặn lại mà không cho gửi tim cùng dạ dày về nước Pháp.

Thoạt tiên Napoléon muốn được đem thi hài mình về quê hương ở Ajaccio, nhưng trong tờ di chúc bổ chính đề ngày 16 tháng 4 năm 1821, ngài lại muốn ký thác nắm xương tàn cho người Pháp mà an nghỉ ngàn năm bên bờ sông Seine.

Ngài đoán trước chính-phủ Anh sẽ phản kháng điều đó nên bằng lòng tạm thời an táng tại Sainte Hélène.

Vị anh hùng đã từng làm rung động hoàn cầu, đã từng coi cả châu Âu như « một hang chuột » (une taupinière). lại thích bóng thướt tha của những nhành liễu rủ, nên ngài đã chọn thung-lũng Géranium vì ở đó có trồng nhiều liễu.

Napoléon tắt nghỉ ngày 5 tháng 5 năm 1821. Viên toàn quyền Anh muốn khắc trên mộ ngài hai chữ « Napoléon Bonaparte », nhưng các người trung thành theo hầu ngài phản kháng và chỉ muốn đề trên phiến đá một chữ «Napoléon» thôi.

Sau hết người ta không đề chữ gì cả. Như thế có lẽ lại càng có ý nghĩa vì mộ Napoléon đâu phải là mồ vô chủ, không người thăm viếng và Napoléon có cần gì của ai vài chữ trên mồ mới được lưu danh ngàn thu!

Voltaire (1694-1778)

Voltaire là một thi sĩ, một sử gia và một nhà triết học trứ danh của nước Pháp về thế kỷ thứ 18.

Ông đã trước-tác được nhiều sách có giá trị. Ông mất ngày 30 tháng 5 năm 1778. Theo các ông Grimm, La Harpe và D'Alembert, những nhà văn đồng thời với Voltaire, thì trong khi kịch bệnh, trước những lời khích lệ của các thầy tăng-lữ Voltaire đã nói câu cuối cùng:

« *Laissez-moi mourir en paix* »

(Các thầy hãy để cho tôi chết được yên).

Ông có để lại một tờ di chúc đề ngày 30 tháng 9-1776 cho cháu gái ông là bà Denis được hưởng cái gia tài lớn của ông ở Ferney với cái tủ sách quý có 6210 cuốn.

Viên thư-ký yêu quý của ông là Wagnière được ông cho tám nghìn quan; mỗi gia nhân của ông được thêm một năm lương và những người nghèo ở trong giáo đường mỗi người được 300 livres.

Tủ sách của Voltaire sau nay bán cho hoàng-hậu nước Nga là Catherme II được tới 135.000 livres.

Ở nơi mà Voltaire từ giã mọi người để lần theo Thần Chết, người ta đã cho trồng 4 cây bạch dương cao lớn và ở phía trước nhà, người ta đã khắc câu này:

« *Son esprit est partout et son cœur est ici* »

(Linh hồn ông ở khắp nơi mà trái tim ông ở chốn này).

Alfred de Musset (1810-1857)

Musset đã từng đau khổ vì tình. Tập thơ *Contes d'Espagne et d'Italie* của ông làm năm 20 tuổi đã từng làm ông nổi tiếng lừng lẫy một thời.

Cuộc tình duyên lâm ly và ngắn ngủi của ông với nữ văn sĩ Georges Sand đã làm cho tâm hồn ông đau khổ buồn bực mà thốt nên bao lời chua chát.

Nhắc tới ông, người ta không quên cuốn *La Confession d'un enfant du siècle* (1836) và bốn bài thơ tuyệt diệu *Les Nuits*, là hình ảnh những vết thương lòng của ông và đầy những lời xót xa tuyệt vọng.

Trong một bài Vãn ca (élégie) nhan đề *Lucie* ông ước mong sau khi chết được có trên mồ những nhành liễu rủ vì ông yêu bóng liễu dịu-dàng và xanh biếc. Ông đã viết ở đoạn kết:

... *Mes chers amis, quand je mourrai,*
Plantez un saule au cimetière.
J'aime son feuillage éploré,
La pâleur m'en est douce et chère,
Et son ombre sera légère.
A la terre où je dormirai.

Các anh em ơi,
Khi ta chết rồi
Trên mồ ta đó
Trồng cây liễu nhỏ.
Ta ưa cành nó
Như hàng lụy rỏ,
Giọt lụy xanh sanh,
Chan chứa bao tình
Bóng mát trên mình
Êm ái tròn xinh.

(Bản dịch của Nguyễn giang)

Nếu trước kia nhà văn sĩ lãng mạn, Châteaubriand (1768-1848) sau khi mất được người đời chiều theo ý muốn sau cùng là an táng riêng biệt trông ra bể tại cù lao Grand Bé, gần Saint Malo, thì thi sĩ Musset cũng được có trên mồ vài cây liễu y như lời mong ước kể trên,

***

Trần Hưng Đạo

Tháng 8, năm canh tí, niên hiệu Hưng long thứ 8 (1300) đời vua Trần Anh Tôn (1293-1314), đức Trần Hưng Đạo mất.

Trước đó, khi ngài đau, vua Trần Anh Tôn có tới tham tận nhà, hỏi ngài rằng:

— « Nói dại, nếu Đại vương mất, quân Tàu lại sang thì xoay kế gì được? »

Ngoài những phương-pháp dụng binh như đối với « trường trận » của kẻ thù thì dùng « đoản binh » mà chống lại, hoặc đối với kẻ thù « dùng lối tằm an thong thả » thì phải chọn người « lương tướng », ngài có dạn:

— «. Nên nới sức dân để làm cái chước chắc gốc vững nền Đó là cái mưu chước hay nhất để giữ nước. » (Khâm định Việt sử, quyển 8 tờ 31 b-32 a (1).

Ngài mất năm 70 tuổi tại nhà riêng ở Vạn-kiếp, được nhà vua cùng các quan thương tiếc và đề chở đại tang.

Nguyễn Trãi

Sau khi cùng đức Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam-sơn, ông Nguyễn Trãi lúc thành đạt, một hôm, có gặp một cô bán chiếu rất nhan sắc, ông bèn làm bốn câu thơ vườn hỏi:

Ả ở đâu đi bán chiếu gon?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
Xuân thu chừng độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa được mày con?

Cô bán chiếu là Nguyễn thị Lộ liền họa lại:

Tôi ở Tây hồ bán chiếu gon,
Nỗi chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân thu tuổi mới giăng tròn lẻ,
Chồng còn chưa cỡ, có chi con!

Yêu vì sắc, trọng vì tài, ông Nguyễn Trãi lúc đó làm quan Hành khiển, liền nạp cô Lộ làm thứ thiếp.

Vua Lê Thái Tông (1434—1442) nghe đồn Thị Lộ nhan sắc tuyệt vời, liền cho ở luôn trong cung hầu hạ, vì vậy nàng ít khi về cùng Nguyễn Trãi.

Năm Đại-bảo thứ 3 (1442), vua Thái Tông ngự giá tới Côn-sơn là biệt thự riêng của ông Nguyễn Trãi, rồi lúc hồi loan vì tửu sắc quá độ bị cảm, tắt nghỉ ở dọc đường.

Triều đình kết tội Thị Lộ đã đồng mưu cùng Nguyễn Trãi mà hãm hại thánh thượng nên ông Trãi phải khép vào tội tru di tam tộc

Ngày 16 tháng 8 năm Nhâm Tuất (1442), ông Nguyễn Trãi cùng các con cháu và nàng Thị Lộ bị đem ra hành hình.

(Xem tiếp trang 1.)

Hình học chuyên-môn tự

(*Tiếp theo trang 11*)

Tiếng pháp	Đoạn thường ngữ	Chữ chuyên môn	Lời chú
Tétraèdre (volume)	1·) Khối bốn	1·) Khốn	Nói rìu
	2·) Tứ diện	2·) Tiện	—
Pentaèdre (volume)	1·) Khối năm	1·) Khăm	—
	2·) Ngũ diện	2·) Nghiện	—
Polyèdre	1·) Khối nhiều	1·) Khiều	—
	2·) Đa diện	2·) Điện	—
Prisme	Khối thoi	Khoi	Nói rìu
Cylindre	Khối ống	Khống	—
Parallélépipèdes	Khối song	Khong	—
Cube	Khối vuông	Khuông	—
Parallélépipède rectangle	Khối nhật	Khật	—
Sphère	Khối cầu	Khầu	Nói rìu
Plan	Phẳn	Phẳn	Thường ngữ
Axe	1·) Trục	1·) Trục	Thường ngữ
	2·) Đường trục	2·) Đục	Nói rìu
Centre	Tâm	Tâm	Thường ngữ
Révolution	Xoay quanh trục	Xuc	Nói rìu
Translation	Chuyển ngang	Chang	Nói rìu

Những chữ chuyên-môn về Hình học, mới đặt ra đó, chỉ là những cái tỷ dụ để cho hiểu cách đặt tiếng mới dùng làm Chuyên-môn tự ra sao. Sau này ta sẽ kén chọn, sửa đổi lại ít nhiều, nhưng cái phương pháp vẫn y nguyên.

Trong cái bảng Chuyên-môn tự trên này, không có tiếng nào tạo bằng lối nói lái. Lối nói lái bần cùng lắm hãng dùng, không thể làm thế nào thay đổi các căn-tự để nói rìu lại được thì hãng dùng, vì nói lại nghe nó vẫn có vẻ phường bạn lái buôn, không được chỉnh tề bằng lối nói rìu. Nói rìu là cái luật âm hưởng biến hoá tự nhiên hơn. Hai tiếng Nhê, Nhát là lấy ở hai chữ Degré và Grade của người Pháp rồi việt hoá đi. Hai tiếng đó nên làm như vầy, vì chúng là tên hai cái «mẫu» để đo lường, có thể thành ra tiếng chung của vạn quốc khoa học được.

Những tiểu tiết riêng cho môn Hình học không có điều gì khác nữa.

(*Còn nữa*)

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

ĐỌC VĂN VIẾT VĂN

Ngài thấy mệt không đủ sức làm việc, hãy uống 1 viên thuốc bổ khỏe Trương-Xuân. Ngài uống thường sẽ cường-kiện.

Mỗi hộp 0$80 do Tam-bảo Dược-phòng 117 Faucault Saigon bào-chế. *Đề mandat cho Ô. Phạm văn Điều.* Mua sỉ huê-hồng đặt biệt.

NGÀI HÃY ĐỌC

Tạp-chí Hạnh Phúc, cơ quan văn-học, khoa học có các cây viết trứ danh như: Phan văn Hùm, Kiều thanh Quế, Nguyễn văn Phấn, Vân, Phạm văn Điều, v v...

Trọn năm — 4$00

Đề mandat cho: Phạm văn Điều 117 Faucault Saigon.

ÂV AI.

Tạo-hóa và nhân-loại

SỐ 9

MINH TUYỀN

Vì bảo tồn mà bảo-tồn cái giữ
Là tự-sát. Hỏi còn đâu bảo tồn?
Có bảo-tồn sinh-mệnh trên danh-dự
Mới xứng với tên người giữa càn khôn,
Cá-nhân phải cứ luôn-luôn chiến-đấu,
Phải sống vui trong vật lộn không cùng,
Phải hăng động, chẳng quản chi mạnh yếu,
Cả đoàn quân sinh-lực trống Tam Hùng.
Vì tranh-đấu phải tìm lẽ thắng,
Phải trông vào sự thực để suy ra
Những sâu-xa bí-hiểm vô tang-chứng
Có liên can đến chiến-thuật xông pha,
Cá-nhân phải tự coi là phần-tử
Của Loài Người muôn thế-hệ xuất sạn,
Không vì lấy lợi riêng làm khổ sở,
Thống thằng riêng mà hồ tự-kiêu đâu,
Phải hăng hái xả thân theo lý-tưởng
Mà tất cả Loài Người nhận đích-chung,
Mà cá-nhân tâm trí đều sùng-thượng
Sau khi đem suy-lý đến kỳ-cùng,
Phải vui sống với một lòng tin-tưởng
Ở thành-công cứu cánh của Loài Người
Chỉ có thể vô địch nhân xứng đáng
Là Hoá-Công dựng đất, mở mang trời.
Lý-thuyết: «Người lấy người làm đối thủ»
Là hoan-hô chinh-chiến giữa Loài Người,
Là lý-thuyết khinh nhờn Nhân-Loại quá,
Rẻ giá trị nhân sinh đến tuyệt vời.
Nhân-Loại hiển-nhiên là một thái cực
Thì phải mang sánh với một vô cùng
Đã không thể sao là Nhân-Loại được,
Hỏi còn ai nữa? — yêu ngoài Hoá công.
Vì định luật biến thiên trong vũ trụ,
Tự-nhiên đào-thải, tích-lũy sinh-tồn,
Vì là sức mạnh quá vòng kìm cỗ,
Tỉ cơ thời giàu mong mở cảnh càn khôn,
Đang lo thay-mặt thế nhân mãnh lực
Nên đừng yên không tiến đến vùng thương
Vì đừng yên, đồng nghĩa cùng lui bước,
Sẽ mang lại tiêu vong, nạn thảm thương.
Trông tiến đấu, song phân-chi tản mát,
Có khai hóa cũng chỉ nhất thời thôi,
Chính lẽ-loi, chia-rẽ và rời rạc
Sinh ra mầm hỗn-độn, thái ngang hoài,
Rồi hao mòn, suy nhược đâm chồi mãi,
Rồi tê liệt theo sau kết trật sâu
Khác chi kẻ, chốn phòng riêng, tự hại
Bởi hương thơm ngát thở giữa trăm mầu...
Không những phải ngược, suối vòng mới cũ
Mới có cơ tiến bước dưới trời xanh,
Bao nhân-lực đó đây trong hoàn vũ
Phải cùng nhau hợp-nhất với tiêu-minh
Cùng luồng sức thiên nhiên, luồng thích-hợp
Với tinh người, để trấn áp, lui dần
Luồng mãnh-lực đối phương chân lớp lớp
Cõi nhân sinh lấp-loáng ánh xoay vần.
Theo đạo-lý vững-vàng xây móng tảng
Trên bảo tồn nhân tính rất hay hoàng
Lấy nguồn gốc cao siêu làm lý-tưởng,
Làm quy mô hành động khí hiên ngang.

(Còn nữa)

M. T.

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 63

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

21. — Nguyễn-thuần-Hỗ, người làng Trà-mạt, huyện Thiên-thi, phủ Khoái-châu (nay là Hưng-yên), trấn Sơn-nam. Nam 19 tuổi đỗ đệ-nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân khoa đinh-mùi, hiệu Hồng-đức thứ 18 (tức năm 1487) đời vua Lê Thánh-Tông. Làm quan đến chức giám-sát ngự-sử (chép theo bia Văn-miếu, sách *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 34 a, và *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 71 a).

22. — Phạm-Hiệu, người làng Quỳnh Khê, huyện Kim thành, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Năm tân-mùi 1511 hiệu Hồng-thuận làm Hộ-bộ hữu-thị-lang, phụng mệnh coi thi điện, rồi thang đến thượng thư. Khi Trần-Cảo tiếm ngôi, ông Phạm-Hiệu theo mệnh lệnh của Trần-Cảo. Kịp khi Trần-Cảo thua chạy, ông phải tội hành hình. Ông là dòng-dõi ông Phạm-Mại đời Trần. Đến cháu là Phạm-gia-Mỗ (dời đến làng Lê-xá, huyện Nghi-dương) (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 91 a). Ông Phạm-gia-Mỗ đỗ tiến-sĩ năm 1505

23. — Nguyễn-quảng-Trinh, người làng Hoàng-gia, huyện Cẩm-giàng, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 29 b).

24 — Đỗ-Đạt, người làng Nguyễn-xá, huyện Thạch-thất, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây. Năm 28 tuổi đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 34 b, *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn tây, tờ 38 b)

25. — Trần-Hoành, người làng Ngọc-trại, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ hồng, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức Hàn-lâm. Ông giỏi thơ, hay, họa vần ngự-chế (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 43 a). Có ba bài thơ cận-thể còn chép trong bộ *Toàn-Việt thi lục* (quyển 14-16, bản sao của Trường Bác-cổ, số A 1262), là bài *Tự gia tướng sĩ* (các tướng sĩ nhớ nhà), *Lục-vân động* (động Lục-vân), *Anh-tài tử* (người anh-tài): ba bài đều họa vần thơ vua Lê Thánh-tông.

26. — Phạm Bảo, người làng Phí-xá, huyện Đại-an, phủ Nghĩa-hưng, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức phó đô-ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 97 b-98 a).

27. — Trần-Bân, người làng Lạc-đông, huyện Tân-minh, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức Lại-bộ thượng thư kiêm Quốc-tử-giám tế-tửu (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 75 b). *Đặng khoa lục* (quyển 1, tờ 34 b) chép tuổi 28, ông làm quan đến đô-ngự-sử.

28. — Vũ-Đôn, người làng Mộ-trạch, huyện Đường-an, phủ Thượng-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Làm quan đến chức tư-huấn. Ông là cháu (cháu gọi bằng bác) ông Vũ-Hữu, đỗ nhị giáp tiến-sĩ năm 1463, ông họ ông Đinh-Lương, đỗ tam giáp năm 1643, cụ họ ông Đinh-Lâm, đỗ nhị giáp năm 1670, viễn-tổ ông Đinh-Thiều, đỗ tam-giáp năm 1680, và Đinh-Ân đỗ tam-giáp năm 1712 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 13 a).

29. — Đặng-minh-Khiêm, tên tự là Trinh-dự, tên hiệu là Thoát-hiên, vốn là người làng Thiên-lộc, huyện Thiên-lộc, trấn Nghệ-an, dòng-dõi ông Đặng-Tất và Đặng-Dung là những bậc trung-thần đời Trần. Sau dời đến ở làng Mạo-bồ, huyện Sơn-vi, phủ Lâm-thao, trấn Sơn-tây. Cha là ông Đặng Di, đỗ hoàng-giáp khoa qui-dậu 1453, làm quan đến chức tham-chính. Năm 32 tuổi ông Đặng-minh-Khiêm đỗ nhị-giáp tiến-sĩ khoa đinh-mùi 1487. Cùng em là ông Tán đỗ cùng bảng. Năm tân-dậu 1501, niên-hiệu Cảnh-thống, làm Hàn-lâm-viện thị-thư, kiêm chức tư-huấn ở Tú-lâm-cục, phụng mệnh sung chức phó-sứ sang cống nhà Minh. Năm kỉ-tị 1509, lại đi sứ Tàu, thiên chức Lại-bộ tả-thị-lang. Nam canh-ngọ 1510, thăng chức Triều-liệt đại-phu, Lại-bộ tả-thị-lang, giám-sát. Năm tân-mùi 1511, coi điện-thi. Khoảng niên-hiệu Quang-thiệu (1516-1526) làm Lễ-bộ thượng-thư, kiêm chức Sử-quán phó đô-tổng-tài, coi Chiêu-văn-quán Tú-lâm-cục, phụng-mệnh sửa lại bộ *Đại-Việt sử ký*.

Sách *Lịch-triều hiến-chương* của ông Phan-huy-Chú (*Nhân-vật chí*, quyển 11, bản sao của Trường Bác-cổ, số A 50, trang 122-123) khen « ông Minh-Khiêm là người học-vấn bác-nhã, có tiết-tháo khảng-khái. Hồi bấy giờ trong nước gặp nhiều biến-cố, ông Minh-Khiêm một mực giữ phong-thái trung-trực ở chốn triều-đình, có tính cương nghị, không ai chuyển nổi, giữ mình bằng tính ngay thẳng, không hề a-dua theo ai. Biết việc đời không thể làm được, chỉ mượn sách-vở ngâm-vịnh để tiêu-khiển. Lời văn thanh-thoát, ý văn dồi-dào, được đời truyền tụng. Kể về văn-học, về tiết-tháo, ông là bậc danh-nho đầu triều Lê. Sử khen ông không xấu-hổ với khoa-danh; dư-luận cho ông thế là xứng-đáng làm con cháu ông Tất, ông Dung ».

Bộ *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê-quí-Đôn (bản sao của Bác-cổ, số A 1262, quyển 15) chép « ông Minh-Khiêm lúc bé có nết học..., thường xem Nam-sử các bậc đế-vương, hậu-phi, công-hầu, sĩ-thứ, phụ-phụ, hễ thấy có thơ đề phẩm, đặt tên là *Việt-giám vịnh-sử thi-tập*, có lưu-hành trong đời ». Hiện còn 125 bài thơ cận-thể chép trong bộ *Toàn-Việt thi-lục*: lịch-đại đế-vương, từ bài thứ nhất đến bài 47; thần-linh, từ bài 48 đến bài 52; danh-thần, từ bài 58 đến bài 75; danh-nho, từ bài 76 đến bài 85; tiết-nghĩa, từ bài 87 đến bài 97; giai-phu, từ bài 98 đến bài 108; cung-thú, từ bài 109 đến bài 110; hậu-phi, từ bài 111 đến bài 119; công-chúa, từ bài 120 đến 122; liệt-nữ, từ bài 123 đến bài 125.

Quê Đặng-minh-Khiêm là con vua Lê Chiêu-tông (1516-1526) đi lánh nạn (tây lánh), mất ở Hoa-châu, thọ hơn 70 tuổi. Anh là ông Đặng-tùng-Củ, đỗ tiến sĩ khoa giáp thìn 1484, làm quan đến Đông-các đại-học-sĩ, chức Hàn lâm thám-chưởng. Ông Đặng-Tán đã nói trên kia, cũng làm quan đến Lại bộ tả-thị-lang: ba anh em cùng làm quan một triều, hai anh em cùng đỗ một khoa. Ông Đặng-minh-Khiêm là cháu họ (cháu gọi bằng chú) ông Đặng Thận và Đặng-Điềm ở huyện Lập-thạch: ông Đặng-Thận đỗ tam-giáp năm 1484; ông Đặng-Điềm cũng đỗ tam-giáp năm 1490 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 3 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 76 a).

30. — Trần Kỳ, người làng Yên-thái, huyện Thiên bản, phủ Kiến-hưng, trấn Sơn nam. Đỗ tam giáp tiến sĩ khoa đinh-mùi 1487, làm quan đến chức Đông-các hiệu-thư (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn nam, tờ 100 a 100 b) *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 35 a) chép ông làm quan đến chức Hàn-lâm. Ông có làm ba bài thơ cận thể còn chép trong bộ *Toàn-Việt thi lục* (quyển 14 16): bài thứ nhất là *Tư gia tướng sĩ* (các tướng sĩ nhà nhà), bài thứ hai là *Lục pàn động*: hai bài này phụng họa ngự chế; bài thứ ba là *Vạn Thành-tông Thuần hoàng đế*.

(*còn nữa*)

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Hộp thư

— Chúng tôi nhận được cái ngân phiếu số 043887 195 4 $ của một bạn đọc gửi trả tiền báo (nhưng lại đưa nhầm sang tòa báo Volonté Indochinoise).

Vậy bạn đọc nào đã gửi số tiền đó xin cho biết để chúng tôi vào sổ.

Kỳ trị sự Trù Tâm

Những lời di chúc...

(Tiếp theo trang 13)

Tục truyền: Trước cảnh thảm trạng của gia đình ông, ông bèn nhớ tới lời khuyên của một viên tướng Tàu là Hoàng Phúc.

Hoàng Phúc vốn giỏi địa lý khi xem tới ngôi mộ tổ nhà ông khuyên hãy cất đi có đoán rằng:

Nhị khê mạch đoản
Hỏa thánh thụ đi!

(Kiểu đất ở làng Nhị Khê mạch ngắn, người có ngôi mộ táng ở huyệt ấy tất sẽ bị cái thảm họa tru di).

Ông Nguyễn Trãi trước không nghe, nay cái họa tru di quả đã tới, ông bèn than câu cuối cùng rằng:

— « Thật lấy làm hối-hận vì không nghe lời Hoàng Phúc! »

Ông nói dứt lời, viên đạo-tu-sĩ liền kết liễu đời ông chỉ vì sắc đẹp một người lý thiếp mà bị nghi oan nên phải ngậm thù di hận!

Dẫu vậy, câu chuyện không nghe Hoàng Phúc này, thường cũng chỉ nên nhà lại mà chơi, chứ việc phong-thủy huyền hoặc, không đã tin được.

(*Còn nữa*)

PHẠM MẠNH PHÁN

Nên mua: cho các trẻ em đọc:

TÂN NỮ HUẤN CA

(đã được giải thưởng hội Khai trí)

Giá 0$20 — Cước 0$08

bán tại:

hiệu sách Đông Tây

195 phố hàng Bông Hanoi

(gửi bằng tem (cò) cũng được)

Các bực khoa-bảng

huyện Thọ-xương và huyện Vĩnh-thuận

Số 2

Biệt-Lam TRẦN-HUY BÁ

37) **Vũ Phan**, 23 tuổi, người Tự-tháp, đỗ tam giáp tiến-sĩ thứ ba, khoa bính-tuất, đời Minh-mạng thứ 7 (1826), quan đến Tổng-đốc.

38) **Nguyễn-văn-Thắng**, 24 tuổi, người An-thái, đỗ tam-giáp tiến sĩ thứ 8, đồng khoa với ông Vũ Phan.

39) **Nguyễn văn Lý**, 38 tuổi, người Đông-tác, đỗ tam giáp tiến-sĩ thứ nhất, khoa nhâm-thìn, đời Minh-mạng thứ 13 (1832), quan đến chức án-sát sứ. Khi ông đỗ, các quan-thân hàng huyện có mừng, một bài thơ Đường-luật rằng:

« Đông-tác, Thọ-xương chi vọng ấp,
Nguyễn-môn lãy thế xuất trâm thân.
Bách niên tổ nghiệp năng tồn cựu,
Vạn lý tiền trình khả trí thân.
Tự cổ khoa-danh suy phiền tịch,
Như kim lễ-nghĩa thuộc ngô nhân.
Y quan, văn-vật bang kỳ địa,
Cương-lĩnh phong thanh hựu nhất tân.

40) **Diệp xuân-Thung**, 31 tuổi, người Phúc-tô, đỗ phó-bảng thứ 6 khoa mậu-tuất, đời Minh-mạng thứ 19 (1838), quan đến Ngự-sử.

41) **Nguyễn-văn-Siêu**, 43 tuổi, người Dũng-thọ, đỗ phó-bảng thứ chín, cùng khoa với ông Diệp-xuân Thung, quan đến án-sát, phải đáng xuống Thị độc, dạy được nhiều học trò thành đạt, có cho ra đời cuốn Phương-đình thi-văn-tập.

42) **Trương Ý**, 29 tuổi, người Thịnh-hào, đỗ phó bảng thứ nhất, khoa đinh-mùi, đời Thiệu-trị thứ bảy (1847), quan chưởng-ấn.

43) **Hoàng-xuân-Hiệp**, 27 tuổi, người Dũng thọ, đỗ nhất-giáp tiến-sĩ thứ ba, khoa tân-hợi, đời Tự-đức thứ tư (1851) quan tập-hiền thị-giảng.

44) **Trần-huy-Tích**, 24 tuổi, người Dũng-thọ, đỗ tam-giáp cát-sĩ thứ ba, khoa tân-hợi, đời Tự-đức thứ tư (1851), quan đến đốc-học rồi cáo bồi.

45) **Phạm-hy-Lượng**, 29 tuổi người Nam ngư, đỗ phó-bảng thứ tư khoa nhâm-tuất, đời Tự-đức thứ 15 (1862).

46) **Thành-ngọc-Uẩn**, 31 tuổi, người Bạch mai, đỗ phó bảng thứ nhất, khoa ất-sửu, đời Tự-đức thứ 18 (1865), quan đến toản-tu.

47) **Vũ-Như**, 29 tuổi, người Kim-cổ, đỗ nhị giáp tiến sĩ thứ nhất, khoa mậu-thìn, đời Tự-đức thứ 21 (1868).

48) **Trần-huy-Liên**, 46 tuổi, người Xuân-khê, đỗ phó-bảng thứ hai, khoa kỷ-mão, đời Tự-đức thứ 32, (1879), quan thị-giảng.

Đây là các bực đại-khoa, còn Trung-Khoa thì nhiều lắm, nhất là hồi Minh-mạng, trong huyện Thọ-xương, văn-vật tiến-triển rất thịnh, vì thế nên năm nhâm thìn đời Minh-mạng thứ 13 (1832), các thân-sĩ trong hàng huyện từ tú-tài trở lên, được tất cả hơn 70 người, đã cùng nhau mưu dựng một ngôi đền gọi là «Thọ xương tiên-hiền từ» để thờ các vị tiên-hiền trong huyện. Đền ấy bây giờ vẫn còn thuộc phường Bạch mai, bên cạnh đình Đại, (xem lại bản đồ đăng ở T. T. số 108). Quy-mô cũng sảng-khoái. Chính-tâm một ngôi 3 gian, giữa có đặt một tấm bảng để tên các bực khoa-mục. Ngoài có một ngôi bái-đường 5 gian; gần hương-án có hai lực-sĩ bằng đá đứng chầu. Hai bên tả hữu vu, có xây 2 lầu: một bên dựng bia, một bên để cái khánh đá (1). Trước cửa bái đường xây bốn cột trụ rất to. Sau nhà chính-tâm có xây một ngôi nhà để cho người thủ-từ ở trông nom. Trong ngôi đền ấy có nhiều câu đối của các bực khoa bảng làm ra, tôi xin chép một vài câu như sau này:

Lễ nhạc dĩ thời tàn, thiên lý nhân tâm khan vũ-trụ;
Khoa-mục tòng nhân trọng sử thư phật lục chiếu xuân-thu.

Uyên nguyên hữu tự lai, Lỗ quốc nho thử trung cựu lục;
Thanh-danh chi sở tụy, thương kỳ lễ tục ngưỡng di huy.

Khoa-giáp liệt phương, tinh-tự uyển kim mình trụ-giám;
Văn-chương tiêu vỉ, phong-thanh chung cổ thụ giao-kỳ.

Tài xuất đạo hạnh, Quang-thuận dĩ lai sổ bách thế chi văn-chương đức-nghiệp;
Địa linh nhân kiệt, Vĩnh-xương tự tích thiên dư niên chi văn-vật thanh-danh.

Thiên niên phong-hoa lưu dư địa;
Vạn cổ thanh-danh tiếp cố giao.

Đại tự

Văn hiến túc chưng.

Đại đề còn nhiều câu khác nữa, ý nghĩa cũng tương-tự như thế. Nay muốn biết hồi ấy các nhà thân-sĩ có cái nhiệt-tâm đối với văn-học như thế nào,.. xin xem bài văn bia dựng ở ngôi đền Tiên-hiền thì sẽ rõ :

Bài bia-ký ở đền Tiên-hiền huyện Thọ xương, xin tạm dịch như sau này :

« Mong theo bực hiền-triết, là cái chuẩn-đích của kẻ học giả; thờ phụng các đấng Tiên-hiền, là quy-tắc của điều lễ vậy. Huyện ta từ xưa vẫn gọi là Vĩnh-xương, trải nhà Lý đến nhà Lê, vẫn là một nơi thanh-danh văn-vật nghìn năm ở chốn đô thành.

« Các bực Tiên-công ngày trước, nhờ khí anh-linh chung đúc, thấm nhuần phong-giáo, từ đời Quang-Thuận (1460-1469) trở về sau, văn-chương đức nghiệp khoa-hoạn đời đời càng nối theo ra: há không phải là một huyện sung thịnh?

« Trước kia vẫn có đền để thờ các đấng Tiên-hiền, đến cuộc biến-cố hồi Tây-Sơn (1788 1801) nền cũ mất hẳn! Kịp đến Bản-triều, thịnh-trị đã ngoài 30 năm, việc trị-giáo ngày thêm mới.

« Lũ ta nhờ vị đốc-khánh tư-văn, nên theo về đường khoa-hoạn, được đỗ-đạt không phải là ít. Thế mà đền thờ các vị Tiên-hiền cứ bỏ khuyết mãi sao đành!

« Vì thế năm Nhâm-thìn (1832), các thân-sĩ trong huyện nghĩ đến các vị Tiên-hiền như núi cao, như đường rộng, bàn dựng nên một ngôi đền, để việc tự-điển được muôn đời bất hủ.

« Nam Bình-thần, các thân-sĩ đem việc ấy bàn với ông Vũ-Hoán-phủ (Vũ-như-Phan) là vị tiến-sĩ khoa Bính-tuất (1829), người thôn Tự-tháp, rồi cùng dựng nên một ngôi đền ở phía nam huyện, thuộc phường Hồng-mai. Ngôi đền chính xây cuốn toàn bằng gạch. Trước cửa là phía đông, dựng nhà bái-đường năm gian. Cả giải-vũ hai bên tả hữu cũng xây bằng gạch. Cột trụ và tường, bao bọc xung-quanh, đều xây gạch đắp vẽ hoa lá. Rồi đạt tất cả ruộng ao được tám mẫu, bảy sào, mười thước, cùng hơn một mẫu làm nơi tự-sở. Ao ruộng ấy giao cho người trong phương này (Hồng-mai) cày cấy lấy hoa lợi để cung việc xuân-thu tế-tự muôn năm.

« Công việc xây-dựng trải vài năm đã trọn-vẹn. Ôi! việc danh-giáo, hoặc giả cũng nhờ đó mà mở rộng thêm chăng? Chẳng thế sao lại có thịnh-cử được như vậy?

« Lúc mới đầu các thân-sĩ xướng lên việc đó, thì được ngay ông Bùi-huy-Tùng là người phường Hà-khẩu trong huyện, xin bỏ của nhà ra hàng nghìn, lại tự mình đốc-suất trông coi xây dựng cho được trọn vẹn. Nếu không phải là việc công đáng san-sóc, thì ai đã có thể khiến nên như vậy?

« Thế mới biết rằng những việc chí-thiện chí mỹ trong khoảng vũ trụ này không lo không có người làm; mà đã có người làm, thì không có việc gì là khó cả.

« Việc mà nên được, cũng bởi hợp với nhẽ giời, thuận với thần minh, nên được lễ nhạc trong một châu, xuân-thu muôn đời hương khói, trên có thể nối được thói tốt của các đấng hiền-triết, dưới có thể mở được đường tu tiền cho người sau, thì dù giản-ước cũng có thể nên được người quân-tử trong một làng, hay là một bực tiên-sinh trong một xã. Nếu vòng ra, thì giúp chúa và cứu dân. Như thế thực là một điềm tốt vậy.

Xin kính cẩn làm bài kỳ này.

« Ngày tốt, tháng trọng hạ, mậu tuất, năm thứ mười chín (1838 trong muôn vàn năm triều vua Minh mạng.

Kẻ hậu học là Nguyễn-văn Lý đỗ tiến sĩ xuất thân giáp thứ ba khoa Nhâm thìn (1832) tước Trung thuận đại phu, sung lang trung bộ Lại *bái soạn*.

« Hà Quyền, hiệu Tốn phủ, đỗ tiến-sĩ xuất-thân giáp thứ ba, đỗ đầu khoa Hội-thi Ân-khoa năm nhâm-ngọ (1822), tước Trung-phụng đại-phu, làm chức hữu tham-tri bộ Lại, sung hiện viên Nội-các, *nhuận chính*.

(Hết)

Biệt Lam TRẦN HUY BÁ

(1) Có bài minh rằng: Khánh tộ xã kì, chất kinh thanh thanh nhạc cổ ở chủ, đạo chi ở hình, quỷ ẩm do hiểu, khổng tư hằng minh, du đủ thần tối; tư, ẩn chi thanh, tất thể kỳ chính; tư nhạn chi tịnh, thiên chi thinh chí, chung lâu thỉ bất.

Thống chế Pétain đã nói :

« Chúng ta hãy làm việc nhiều hơn trước, sản xuất tăng thêm và suy nghĩ chín chắn hơn. »

Một giai-thoại tặng các nhà viết sử

(*Tiếp theo trang 7*)

Năm năm sau một cáng vào trước sân rồng, theo sau là một cọn lửa mang một quyển sách lớn trên lưng. Trong cáng, cụ trưởng bạn tu sử chỉ còn là một bộ xương bọc da, hơi thở thoi thóp chỉ chờ phút chết, nhưng cũng còn gắng gượng tới sân rồng để trọn đạo thần tử báo đền quân vương.

Tuỳ vệ chạy ra giục rối rít:

« Mau lên! Mau lên! Thánh thượng sắp thăng hà! »

Vua Ba-tư đang nằm trên giường bệnh nghe thấy tiếng động, quay ra ngay lúc chiếc cáng và quyển sử lớn vào tới bên long sàng. Nhận ra là Trưởng ban biên soạn *Thế giới sử*, vua thở dài:

— « Thế là ta chết mà vẫn chưa được biết lịch sử nhân loại, buồn thay! »

Nhà bác học, gắng gượng thò cổ từ trong cáng ra, run-rẩy tâu vâng:

— « Lão thần xin tóm tắt hết sức lịch sử thế-giới để thánh thượng nghe. Đại khái chỉ có thế này thôi: « Nhân loại ai cũng sinh ra, khổ sở rồi chết ».

Vua nghe xong, gật đầu, rồi tắt thở. Trên cáng, nhà sử-học cũng thở hơi cuối cùng!

Và quyển sử lại được cất vào kho làm quốc bảo.

Nhà làm sử nghe xong câu chuyện, cười lớn: « Lại chuyện của ông Anatole France kể trong quyển *La Vie littéraire* rồi? »

Bạn cười mà không đáp, khe khẽ ngâm mấy câu thơ của Lý-Bạch. Nhà làm sử để mặc bạn ngâm thơ, lại cúi xuống chép nốt đoạn sách đang viết dở.

Ngoài vườn, nắng vẫn hồng, giời vẫn xanh, gió vẫn mát, khuyên vẫn vẫn kêu. Thì ra cuộc đời vẫn sống lắm.

ÁI-LANG và BÍCH-CÂU

(1) Histoire de la Chine — G. S. Morant.

(2) Histoire universelle — Collection Larousse tome I.

(3) Les civilisations de l'Orient — René Grousset.

(4) Civilisation Perse (l'Orient) René Grousset.

(5) Marzbân (Tổng đốc)
(6) Rad (Quận trưởng)
(7) Shâhrikan (Quý tộc đại điền-chủ)
(8) Dikhan (Quý tộc tiểu điền-chủ)
} Civilisation Perse-René Grousset

(9) La Perse — André Godart.

(10) La vie littéraire — Anatole France

(11) Les civilisations de l'orient. René Grousset

(12) L'Orient et la Grèce — Malet et Isaac.

(13) Histoire de la Grèce ancienne — Jean Hatzfeld.

(14) Assieds-toi sur le gazon, mon idole; avant peu, ce même gazon croîtra de ma poussière et de la tienne. (238. Les civilisations de l'Orient — Traduction René Grousset)

(15) Nous rencontrer un jour, toi et moi, dans la plaine; nous en aller, toi et moi seuls, hors la ville. Tu le sais comme nous serions bien ensemble, toi et moi, alors qu'il n'y aurait là que toi et moi. (Quatrains — Trad. Masse)

Giới thiệu

Chúng tôi vừa nhận được:

1·) *Cải tạo sinh lực* của P. N. Khuê do nhà Hàn Thuyên xuất bản.

2·) *Việt sử giai thoại* của Đào trinh Nhất — Cộng Lực xuất bản giá 2$00.

3·) *Nhà trinh thám tỷ hon* của Nguyễn phú Đốc. Sách Hoa Mai của Cộng Lực giá 0$20.

4·) *Công chúa Bạch Tuyết và bảy thằng lùn* của Micro — sách Hoa Mai của Cộng Lực giá 0$20.

5·) *Triết-học đại cương* của Lam Giang trong tủ sách học thuật của Quốc học thư xã giá 3$00.

6·) *Đàn bà và nhà văn* của Kiều-thanh-Quế — Tân Việt xuất bản giá 1$20.

Xin thành thực cảm tạ các nhà tặng sách và giới thiệu với các bạn đọc.

T. T.

NHÀ XUẤT BẢN

HÀO - QUANG

Trụ sở 62 Bonard Saigon

Giám đốc: ĐỖ NGỌC QUANG

15 Octobre 1943 sẽ phát hành

NHA NHO

tiểu thuyết của CHU THIÊN

Một thế hệ!
Một nhân vật!
và cả một linh hồn!

Giá: 4$50

Tổng phát hành

HÀN - THUYÊN
71 Tiên tsin Hanoi

Lối văn diễn-thuyết...

(Tiếp theo trang 3)

« Nay người Thạnh không soi gương Tống, Nguyên, Minh lại sang mưu chiếm nước Nam ta đặt làm quận huyện! Vậy ta phải vùng ra mà khu trừ đi!

« Các anh em, hạng người có tri-thức, có tài-năng, phải cùng ta đồng lòng gắng sức, khiến cho việc lớn được nên, chứ đừng giở thói phản-trắc, nhị tâm đó. Hễ việc lộ ra, ta quyết giết chết, không tha một ai. Bấy giờ đừng trách ta không bảo trước ». (9)

Cảm-khích vô hạn! Phấn-khởi vô hạn! Chư quân răm-rắp vâng mạng, thề không hai lòng. Rồi những chiến-công oanh-liệt: phá đồn Hà-hồi ở phủ Thường-tín (Hà-đông), hạ đồn Ngọc-hồi ở huyện Thanh-trì (Hà-đông), giết Sầm-Nghi-Đống ở Đống-Đa, chà xát hàng vạn quân Thanh ở đầm Mực (Mặc-đàm, thuộc làng Quỳnh-đô, tổng Cổ điển, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông), đánh gãy chiếc cầu phao trên sông Cái làm cho quân Thanh chết đuối quá nửa đến nỗi nghẽn tắc cả khúc sông từ Tây-lương (khoảng gần đầu cầu Doumer bên Hà-nội bây giờ) sang Bồ-đề (Gia-lâm), phải chăng đó là bông đẹp trái thơm nảy từ bài diễn-thuyết cứng như sắt, rắn như đá, kia của khách anh-hùng áo vải?

***

Vậy biết diễn-văn cũng có nhiều lối. Lối mà mấy bậc vĩ nhân nước ta đã dùng đó chính là lối « *công-chúng chính luận* ». Lối này cốt trọng ở ý, cho nên lời ít mà có thể thu hiệu được nhiều. Lối này phải là những lời tâm huyết chân thành mới rung động được trái tim người nghe, mới thức-giục được họ vui-vẻ hăng-hái xông vào nước sôi lửa nóng. Mấy trang sử chiến thắng viết bằng chữ vàng rực-rỡ của hai vị anh hùng Lê Tổ, Quang-Trung chính là dấu-hiệu những tiếng « vỗ tay » hùng-kiện dưới ảnh-hưởng của mấy lời diễn thuyết nảy lửa mà bất hủ đó.

Ai bảo người Nam ta xưa không có những tay diễn-giả phi thường?

Ai bảo văn thề ta xưa không có lối văn diễn thuyết?

HOA-BẰNG

1) Trong lời bài hịch nói tên sách ấy là « *Binh thư yếu lược* », nhưng *Khâm định Việt sử* quyển 8, tờ 34 a và *Hoàng Việt văn tuyển*, quyển 7, tờ 1 b đều chép là « *Binh gia diệu lý yếu lược* »

2) Tên vua Nguyên Thế-Tổ (1279-1294)

3) Chỉ Nguyên thần tử.

4) Nơi ở của mấy nọ đi lỗ g

5) Khâm-định Việt-sử quyển 13, tờ 15 b-16 a.

6) *Khâm định Việt sử*, quyển 13, tờ 16 a.

7) *Khâm định Việt sử* quyển 14, tờ 24 b—25 a

8) Có lẽ đó là giả nói thừa, vì vua Đinh Tiên hoàng không đánh Tống trận nào.

9) Nguyên văn bằng chữ nho có chép trong cuốn An nam nhà thông chí, sách viết của trường Bác cổ, số A 22, tờ 35. Đây là bản dịch trích trong cuốn QUANG-TRUNG của tác-giả sắp xuất bản.

Văn học phụ nữ Hải cảng

Hải-phòng là một hải-khẩu mới dựng từ đời Tự-đức, sau Nam Triều ký nhượng cho Chính phủ Bảo hộ, nên nhà nước sửa-sang tổ-chức thành một thương-khẩu lớn nhất xứ Bắc-kỳ.

Vì thế, tứ chấn quần-cư, sự phồn thịnh phần nhiều do ở kinh thương, chứ tinh thần văn học rất là thưa thớt.

Nhưng cũng nhân đa nội mười nhà cũng có được một người hiền (*Thập thất chi ấp, tất hữu trung tín*) (Luận ngữ). Tuy văn chương không sẵn đất, nhưng thông minh ở tính giời. Khi hán-học còn thịnh hành (phỏng 40 năm gần đây) tương truyền có một cô con gái đòng-đối thế gia trong vùng, ra một câu đối kén chồng, mà các văn nhân thi sĩ đương thời đều thức-thủ.

Sau không rõ tương lai và nhân duyên nữ-sĩ đó ra sao.

Nay, tôi ghi lấy, làm giai-thoại *Văn học phụ nữ Việt nam*, và trộm-nghĩ những bực tài tuấn phi-phàm thời nào chẳng có, mà hiện-đại lại nhiều, vậy mong rằng hải nội chư quân-tử, nghĩ đối chơi để ngâm nga cho thêm vui trong khi thưởng-nguyệt.

Vế ra:

Tố Tâm như bạch ngọc, tứ thời vô nhất điểm phong trần.

素心如白玉，
四時無一點風塵

(Trong câu ấy có tên các làn-tô Tâm, Bạch ngọc, Tứ thời, nhất điểm và phong trần)

LONG-DIÊN

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

TRI-TÂN

CHÁY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 5

CHÚC-THIÊN

Hòa Đao theo Đông-hải Đại vương vào chính điện. Một cây bạch lạp ở góc điện cao bằng đầu người, chiếu tỏ cả gian điện. Ở giữa trên yên sạch, một cây nến con cũng đương cháy lỏa ánh sáng vằng vặc xuống chồng sách và giấy mà đang mở bề bộn ở trên án. Ở một cái bàn bên, có một chồng sách nữa, và một thanh kiếm chuôi bạc để ngang bên chồng sách. Trong cùng là cái giường bình khung để ngài ngả mình sau khi đã làm trọn mọi công việc. Một cái giường gỗ lim chắc chắn, giải chiếu cói, không trang hoàng gì cả, cũng không có màn che. Bên tay phải án sách, có một cái án thực với hai cái trường kỷ sơn quang dầu. Tất cả đồ-đạc sơ-sài ấy đủ chứng rõ tư tánh nết chủ nhân rất suềnh soàng và tiết kiệm, chỉ biết lưu tâm đến việc lớn. Cái phong-vị ấy rất cảm dỗ được những bậc anh tài tin theo. Đã thế, Đại vương lại rất thành thực tiếp đãi người ta và rất là niềm-nở hòa-nhã trong khi nói chuyện cũng như là nghe chuyện. Với một vẻ vui tươi vồn-vã thông-thường ấy, thêm vào với giọng điệu thân mật, ngài mời Hòa Đao :

— Xin mời công tử ngồi chơi xuống đây cho đỡ mỏi. Trong phòng riêng này thật thiếu cả lễ độ. Nhưng được cái ấm cúng suềnh soàng hơn. Ta nói chuyện càng dễ. Công tử ngồi.

Hòa Đao lễ phép thưa :

— Đại vương đã truyền, tiểu tướng xin vâng mệnh.

Rồi chàng dón đến ngồi xuống.

Đông hải thân rót chén nước chè tốp các để lên án thực mời :

— Công tử sơi tạm chén nước... các này, gọi là chén nước tẩy-trần mừng công tử tự xa về. Và xin nghe chuyện. Nào trên miền Bắc cận-trạng ra sao ?

Hòa-Đao đỡ lấy chén nước xin phép uống rồi kính cẩn nói :

— Thưa Đại vương, tiểu tướng vừa qua miền Bắc mấy hôm, nhận thấy rằng tráng sĩ Phù ninh đã thực lòng kết thân với họ Trần. Tiểu-tướng được mục kích rõ ràng cuộc nghinh hôn long trọng trên sông Thiên-đức, nhân dân hết sức hoan hỉ ra bái vọng đen nghịt ở hai bên bờ sông. Tiểu tướng lại được gặp rất nhiều những tay hào-kiệt, đều một lòng ca-tụng Tráng sĩ Phù-ninh và tin ở cuộc thái bình vĩnh viễn, chứ không ai dám chịu xét đến mưu mô giảo-quyệt của Trần Thủ-Độ. Vậy nên tiểu-tướng phải vội về trình với Đại-vương.

Đoàn Đông hải ngồi trầm-ngâm nghĩ ngợi một lúc rồi mới thong thả nói :

— Có lẽ bề ngoài họ làm ra vẻ như vậy. Chứ chính Đại thắng-vương (1) có viết giấy báo cho tôi biết việc cưới ấy và việc nhận sắc phong là Hoài đạo vương lại trách cả tôi sao không cũng nhận lời giỗ của Trần Thủ Độ, cho hắn hi hửng mừng rồi lại nhân đấy tương kế tựu kế với hắn.

Hòa Đao kính cẩn ngắt lời ngay :

— Bẩm thế đại vương đã đáp lại chưa ?

Đoàn Đông-hải vẫn điềm-đạm thong-thả giả nhời :

— Chưa ? Tôi cũng đợi xem họ cưới xin ra làm sao đã.

Hòa-Đao vội vàng tiếp ngay :

— Bẩm vâng, Đại-vương rồi hãy đáp là phải. Cứ thực tình, tiểu tướng đã xem xét ở đấy, thì từ quan đến dân đều một mực vui mừng và tự cao tự đại. Gia-dĩ ngay những bậc cao quan gần gụi Đại thắng vương cũng ra vẻ mãn nguyện lắm. Như thế tỏ ra rằng người ta chỉ nghĩ đến lợi lộc riêng mà quên mất cả đại-nghĩa, bỏ kệ trăm họ muốn ra sao thì ra !

Đoàn Đông hải gật đầu, khẽ nói :

— Ta cũng hơi ngờ như vậy, nhưng không dám quả quyết như công tử...

Hòa Đao vội chữa :

— Không phải tiểu tướng dám quả-quyết bảo tất cả các quan quân sĩ thứ miền Bắc đều quên cả việc lớn. Tiểu-tướng nghĩ rằng Đại thắng vương ham tư lợi quá, làm mê hoặc cả thần-tử, để giữ vững lấy danh vọng mình.

— Ta không nên vội đoán thế. Nhưng dù sao những xử-sự của Nguyễn Nộn đối với ta từ trước đến nay cũng có lắm điều đáng trách, làm cho ta mất lòng tin. Cứ những lúc nguy cấp, thì ông ta cầu khẩn đến ta, nói thực như lũ cởi gan cởi ruột, còn lúc thường thì ít khi ông ta thực bụng với mình lắm, lúc thoái thác cớ này, lúc cớ khác, đủ thứ. Nên ta chỉ biết tin ở sức ta, chứ tin gì được người. Tuy vậy, trong lúc đánh kẻ thù chung, mà kéo được ông ta về cho mạnh bè làm cho quân địch nao-núng, thì tội gì mà chả làm. Vì thế, tôi còn phân vân chưa dám giả nhời ra làm sao. Đợi họp đủ anh em, và xem mấy anh kia đi quan sát về xem thế nào, rồi ta liệu sau.

Hòa-Đao cũng ngồi nghĩ một lúc rồi tiếp :

— Tâu Đại-vương, tiểu-tướng thiết nghĩ Đại vương đã hắt vào mặt anh em bè đảng họ Trần mọi lời khinh bỉ sỉ nhục, Đại vương đã nhổ nước bọt lên mỹ-danh một công chúa nghìn vàng, thì bây giờ cũng nên tỏ nhời thống trách tàn-tệ Đại thắng vương về cái tội đã phản lại anh em

mà đi cầu thân với kẻ thù. Làm như thế, theo ngu ý vừa tỏ được lòng cao quý trung trực của Đại-vương với hàn-kiệt miền Bắc, vừa để thử xem Đại-thắng vương đối đáp lại ra sao, tức là ta rõ được cái lòng của ông ta. Nhược bằng, ông ta có lìa bỏ Đại-vương chăng nữa, tiểu-tướng chắc Đại-vương cũng không ngại gì.

— Ta thì trước, sau ta vẫn một mực tôn phù công nghĩa, đánh lại kẻ thù cho đến cùng, dù không có Nguyễn vương kết thân cũng vậy. Ta không sợ gì cả. Vận giời còn tựa thì ta lấy lại được kinh đô cho nhà Lý, mà vận giời đã chán, thì cũng vùng vẫy cho đến lúc hai tay buông xuôi. Còn bây giờ Nguyễn Nộn chửa rứt tình giao hiếu với ta, thì ta hãy vớm thử xem sao.

— Bẩm vâng, tiểu-tướng cũng vừa trình vậy. Đại vương viết thư trách Nguyễn vương và nói cả đến công việc đánh họ Trần một thể.

— Phải, tôi cũng định vậy. Để đến mai, đông đủ cả các bậc đàn anh đến họp, ta sẽ bàn về bức thư gửi đi. Lúc này ta cần phải góp nhặt nhiều ý-kiến để đối xử với mưu kế kẻ thù. Ta đã cùng lòng chung sức, tin nhau, thì dù có cô-thế, ta cũng không sợ.

— Bẩm vâng, đại-vương dạy thế thật là chí lý và mưu phúc lớn cho nhân dân thiên hạ.

Nói vậy, rồi công-tử Hòa-Đao liền đứng dậy chắp tay, cúi đầu kính cẩn xin phép lui ra :

— Bẩm đại-vương đã định như vậy, tiểu-tướng xin đại-vương cho phép lui ra để đại vương yên tĩnh định đoạt.

Đoàn Đông hải cũng đứng dậy niềm nở nói :

— Vâng, công tử đi nghỉ cho thư thái để mai ta bàn việc...

Ngài thân đưa công tử ra đến mãi ngoài cửa điện.

IV

Trưa hôm sau, tất cả các bậc tráng-sĩ lừng danh tài giỏi miền Đông về đông-đủ, tề tựu cả ở Chiêu hiền-các để họp hội đồng bàn về thái-độ đối với tráng sĩ Phù ninh Đại-thắng vương Nguyễn-Nộn. Nghĩa-sĩ Vân-Côi, công tử Thịnh-Nguyên (2), công tử Hòa Đao, và nhiều vị nữa đều đến đủ mặt. Cả công tử Đoàn Văn, con giai Đoàn Đông hải Đại-vương cũng được phép sang dự.

Đoàn đại-vương mở đầu cuộc hội họp, nói rõ ý định của mình và nhắc đến ý-kiến của công tử Hòa Đao trình bầy tối hôm trước, rồi kết bằng một câu hỏi :

— Vậy các anh em nhận thấy những gì và nghĩ định ra sao, xin cứ thực nói ra để ta cùng bàn.

Đoàn Đông-hải dứt lời, nghĩa sĩ Vân Côi liền đứng lên thưa đông-đạc :

— Bẩm trên có đại-vương, dưới đông đủ các bạn, tiểu tướng xin đồng ý với công-tử Hòa Đao về mọi điều nhận xét của công-tử. Tiểu tướng cũng qua miền Bắc mấy hôm nay, tiểu tướng cũng nhận thay hiện tình như vậy. Tiểu-tướng lại được tráng-sĩ Vệ Linh dẫn vào dự hội cả ở trong cung. Xem tình hình vui vẻ thỏa mãn của tất cả mọi tôi miền Bắc ta có thể ngờ là họ đã phục tòng họ Trần mà phản lại đại nghĩa của chúng ta. Nhưng tiểu-tướng chỉ dám ngờ thế thôi, chứ không dám quả quyết quả như công tử Hòa-Đao.

CHU-THIÊN

(Còn nữa)

(1) Hiệu của Nguyễn-Nộn trước kia

(2) Hai vị anh hùng giúp Đông hải vương Đoàn Thượng (Xem « Chúa Bà Thiên hương » của tác giả).

Sách mới

Truyện cổ nước Nam

của ông Nguyễn-văn Ngọc

(do nhà Thời-Đại xuất bản) gồm có hơn 120 truyện, dài có, ngắn có, thuộc về các lối cổ tích hoặc của dã sử Nhiều người ngụ ý bao biếm, cười đùa thú vị. *Thế là một kho vàng vô giá của ông cha để lại làm cái vốn rất quý cho con cháu được nhờ ».*

Chúng tôi rất vui lòng giới thiệu quyển sách này với độc-giả và mong rằng : *« làm người Nam nên biết truyện cổ nước Nam Tinh thần người Nam hiện ra ở đấy, tinh hoa nước Nam muốn lưu lại cũng ở đấy »*

KHÁI SINH

(1) Ngày đàn sách, nhà xuất bản đã biết Ô. Nguyễn-văn-Ngọc, nguyên đốc học Hà-Đông, mong lắm sau, nên gửi là cố mời đương.

Sách mới

HỌC THUYẾT FREUD

Một học thuyết đã làm chấn động hoàn cầu lần đầu tiên được diễn ra quốc văn do ông TÔ KIỀU PHƯƠNG. — **Giá 2$50**

Đã có bán

Triết lý về Vũ-trụ và Nhân-sinh

của PHAN MẬT **Giá 2$30**

Nhà xuất bản **TÂN VIỆT**

29 — Lamblot. Hanoi

Sắp có bán

SIÊU HÌNH HỌC

của NGUYỄN ĐÌNH THI

Một cuốn triết học nhập môn thật dễ hiểu nhưng không tầm thường. Một cuốn triết học sử phác được rõ ràng cuộc tiến hóa của nền triết học phương Tây. Một cuộc phân tích cặn kẽ, những khuynh hướng và những kết quả mới mẻ nhất của triết học, khoa học hiện đại. Một tác phẩm đặc biệt trong « Tủ sách triết học TÂN VIỆT »

Những sách của thư xã
ALEXANDRE DE RHODES
ĐÃ XUẤT BẢN

KIM-VÂN-KIỀU, *tome II (trọn bộ)*
cả bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
470 trang 17 X 24 tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
bản thường 3$00 — bản Vergé bouffant 8$50

CHINH-PHỤ NGÂM
ca bản dịch Pháp - văn của BÙI-VĂN LĂNG
120 trang 17 X 24 — tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
bản thường 1$50 — bản Đại - La Impérial 5$00

SẮP XUẤT BẢN

TRUYỆN TRẺ-EM *của* **PERRAULT**
(Contes de Perrault)
Pháp-văn và Việt văn đối chiếu—Một giai phẩm về nghề in toàn tranh ảnh và bìa 4 màu
của MANH QUỲNH
150 trang khổ album 22 X 32 gồm có 8 truyện rất lý thú, đã làm vui các trẻ em thế giới từ 300 năm nay
bản thường 2$50 — bản giấy Đại La 12$00
(cước phí như Chinh phụ ngâm)

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN
của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Văn liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc văn mà có điển cố, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».

Trích thư của
Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25
Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi - HANOI
51, Doumer - HAIPHONG

Muốn hiểu triết-học
Muốn hiểu các thuyết triết học đông, tây
Muốn trở nên triết-sĩ
CÁC BẠN HÃY ĐỌC

TRIẾT-HỌC ĐẠI-CƯƠNG

Quốc Học Thư-Xã
xuất-bản và phát hành

Giá mỗi cuốn 3$00
bản giấy vergé crème 10$00
bản giấy lệnh-chỉ 5$00

cước 1 cuốn 0$60 mua sách xin trả tiền trước, đề

M. LÊ VĂN HÒE
16 bis TienTsin Hanoï

Sắp ra
KHỔNG TỬ HỌC-THUYẾT
Một bộ sách khác hẳn các sách nói về Khổng Giáo từ xưa tới nay, tựa của cụ Lại Bộ
PHẠM QUỲNH

30 Oct. 1943 đã phát hành

NGÕ HẺM
tiểu thuyết phóng sự
của NGUYỄN ĐÌNH LẠP

HÀN THUYÊN

Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »

ĐÃ CÓ BÁN

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?
của NGHIÊM-TỬ 2$50

SẮP PHÁT HÀNH

LUÂN LÝ THỰC NGHIỆP
của LÊ VĂN SIÊU 2$50

HÀN THUYÊN : *71 Tien Tsin Hanoï*

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng
Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme Hanoï